

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, TP ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:- bà Vũ Thị Lệ Thủy, cán bộ hưu trí

-ông Hà Đồng Tịnh, Hội Nông dân quận Sơn Trà

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Lê Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Sơn Trà TP Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 16/2025/HSST ngày 21 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HS ngày 27.03.2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 18/4/1989, tại Nghệ An. CCCD: 042189006986, do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 29/4/2024. Nơi ĐKNKTT: số 154/4 khối phố B, phường T, TP. B, tỉnh Đồng Nai; Cư trú tại: số A A M, phường A, quận S, TP.Đ; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: kế toán. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Con ông Nguyễn Đình P (c) và bà Nguyễn Thị S (1956); có 02 con sinh năm 2015 và 2024. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/6/2024. Ngày 03/7/2024 Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà Ra Quyết định thay thế bằng Biện pháp Bảo lãnh số 09. Bị cáo được thả tự do ngày 04/7/2025. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh.(có mặt)

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Công ty cổ phần A5. Địa chỉ: số B V, phường P, quận S, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật ông Đoàn Bá P1, chức vụ giám đốc. vắng mặt

2. Trung tâm K5. Địa chỉ: 5 L, T, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thanh T; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Lê Thị Kim B; Chức vụ: Kế toán trưởng.Có đơn xét xử vắng mặt.

3. Chi nhánh Công ty cổ phần A5. Địa chỉ: E P, phường H, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Võ Minh T1; Chức vụ: Giám đốc. vắng mặt

4. Ông Nguyễn Văn T2; Sinh năm: 1976; Chức vụ: Phó phòng thương vụ đại lý Công ty cổ phần A5. vắng mặt

5. Công ty cổ phần A5, an toàn và tư vấn xây dựng -- Chi nhánh Đ6. Địa chỉ: B N, phường H, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Dương Kim Á; Chức vụ:

- Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thu P2; Chức vụ: Phó Phòng Tổng hợp, Công ty cổ phần A5- Chi nhánh Đ6. Có đơn xét xử vắng mặt
6. Công ty A5- TNHH một thành viên. Địa chỉ: A N, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật : Phan Thanh B1; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Trần Văn T3; Kế toán trưởng. vắng mặt
7. Nguyễn Văn L; Sinh năm: 1972; Nhân viên phòng quản lý kỹ thuật Công ty A5 khu vực V. vắng mặt
8. Nguyễn Thị Mộng H; Sinh năm: 1969; Nhân viên phòng Tổ chức hành chính Công ty A5. vắng mặt
9. Công ty A5. Địa chỉ: B N, Khu Ê, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Lê Đình Q; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Liên Văn C: Trưởng phòng kế toán hành chính- Công ty A5. vắng mặt
10. Bùi Duy H1; Sinh năm: 1993; Nhân viên Công ty A5; vắng mặt.
11. Nguyễn Lê T4; Sinh năm: 1996; Nhân viên kinh Công ty A5; vắng mặt
12. Công ty cổ phần A5. Địa chỉ: B B, quận H, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Đình C1; Chức vụ: Chủ tịch HĐQT. Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Ngọc T5; Trưởng phòng TCKT. vắng mặt
13. Nguyễn Thị Ngọc T6; Sinh năm: 1990; Nhân viên văn phòng Công ty cổ phần A5. Có đơn xét xử vắng mặt
14. Bùi Duy H2; Sinh năm: 1985; Chuyên viên phòng giám sát chất lượng Công ty cổ phần A5. Có đơn xét xử vắng mặt
15. Mai Xuân T7; sinh năm: 1976; Nhân viên trung tâm L10, Công ty cổ phần A5. vắng mặt
16. Trần Quốc N; sinh năm: 1989; Nhân viên văn phòng, Công ty cổ phần A5. Có đơn xét xử vắng mặt
17. Phan Bảo L1; Sinh năm: 1982; Nhân viên văn phòng, Công ty cổ phần A5. Có đơn xét xử vắng mặt
18. Mạc Thị Quỳnh T8; Sinh năm: 1982; Nhân viên hành chính tổng hợp, Công ty cổ phần A5. Có đơn xét xử vắng mặt
19. Công ty A5. Địa chỉ: A N, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Lê Kim T9; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Lê Ngọc Q1; Kế toán Công ty A5. vắng mặt
20. Nguyễn Thị H3; Sinh năm: 1984; Chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh 7- Công ty A5. vắng mặt
21. Ngân hàng TMCP C6- Chi nhánh Đ6. Địa chỉ: B N, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Đào Xuân T10; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Lê Hoàng P3; Trưởng phòng tổ chức hành chính. Có đơn xét xử vắng mặt
22. Lê Thị Trang A1; Sinh năm: 1976; Trưởng phòng dịch vụ khách hàng, Ngân hàng TMCP C6- Chi nhánh Đ6. Có đơn xét xử vắng mặt
23. Lê Thị Phương T11; Sinh năm: 1989; Nhân viên phòng khách hàng doanh nghiệp, Ngân hàng TMCP C6- Chi nhánh Đ6. Có đơn xét xử vắng mặt

24. Công ty C7- Chi nhánh Đ6. Địa chỉ: tầng E, B N, phường V, quận T, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật : Nguyễn Hải L2; Chức vụ: giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Đoàn Thị Thúy N1; Kế toán trưởng. Có đơn xét xử vắng mặt

25. Công ty cổ phần A5. Địa chỉ: E X, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Hồ Minh N2; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Phạm Hồng M; Phó giám đốc. Có đơn xét xử vắng mặt

26. Trịnh Trần Song H4; Sinh năm: 1977; Nhân viên xí nghiệp C8- Công ty cổ phần A5. Có đơn xét xử vắng mặt

27. Công ty A5. Địa chỉ: D N, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Võ Minh Đ; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Diệp Nguyễn Thế Q2; Phó trưởng phòng Kế toán. vắng mặt.

28. Mai Duy N3; Sinh năm: 1992; Chức vụ: Nhân viên công ty A5. vắng mặt

29. Công ty cổ phần A5. Địa chỉ: B N, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Văn Q3; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Hồ Thị Kim D; Trưởng phòng kế toán tổng hợp. vắng mặt

30. Võ Thị Bích P4; Sinh năm: 1988; Nhân viên kinh doanh phòng tài sản kỹ thuật Công ty cổ phần A5. vắng mặt

31. Công ty CP A5. Địa chỉ: A Hải Phòng, quận T, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Trần Minh N4; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Phan Thị Lan H5; Kế toán. Có đơn xét xử vắng mặt

32. Nguyễn Thị Kim T12; sinh năm: 1990 ; Nhân viên Công ty CP A5. Có đơn xét xử vắng mặt

33. Trần Thị M1; sinh năm: 1969. Nhân viên Công ty CP A5. Có đơn xét xử vắng mặt

34. Nguyễn Việt C2; sinh năm: 1967; Viên chức Công ty CP A5. Có đơn xét xử vắng mặt

35. Nguyễn Song Thảo V; Sinh năm: 1991; Nhân viên phòng Tổ chức HC Công ty CP A5 - Đà Nẵng. Có đơn xét xử vắng mặt

36. Tạ Nam Q4; sinh năm: 1988; Nhân viên phòng KHKD, Công ty CP A5. Có đơn xét xử vắng mặt

37. Võ Thị Hồng L3; sinh năm: 1974; Nhân viên phòng Kế toán Công ty CP A5 - Đà Nẵng. Có đơn xét xử vắng mặt

38. Phạm Văn T13; sinh năm: 1969; Nhân viên phòng TCHC, Công ty CP A5. Có đơn xét xử vắng mặt

39. Nguyễn Đức T14; sinh năm: 1979; Nhân viên phòng TCHC, Công ty CP A5. Có đơn xét xử vắng mặt

40. Nguyễn Văn T15; sinh năm: 1975; Nhân viên phòng TCHC, Công ty CP A5. Có đơn xét xử vắng mặt

41. Bùi Phương T16; sinh năm: 1996; Nhân viên phòng Kế hoạch, Công ty CP A5 - Đà Nẵng. Có đơn xét xử vắng mặt

42. Ngô Trần Đức N5; sinh năm:1993; Nhân viên phòng Kế hoạch KD. Có đơn xét xử vắng mặt
43. Võ Văn V1; sinh năm: 1970; Nhân viên phòng TCHC, Công ty CP A5. Có đơn xét xử vắng mặt
44. Nguyễn Tiến N6; sinh năm: 1991; Nhân viên phòng Kế hoạch, Công ty CP A5 - Đà Nẵng. Có đơn xét xử vắng mặt
45. Đỗ Đức V2; sinh năm: 1991; Nhân viên phòng KHK, Công ty CP A5. Có đơn xét xử vắng mặt
46. Công ty TNHH A5. Địa chỉ: Lô S đường H, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.Đại diện theo pháp luật: Lê Trung P5, Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Trần Hoàng S1; Trưởng phòng kế toán tài vụ. vắng mặt
47. Công ty CP A5. Địa chỉ: A N, quận T, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Trương Đỗ Huy P6; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Lê Thị Thanh T17; Trưởng phòng tổ chức, có mặt
48. Lê Thị Thanh T18; sinh năm: 1981; Phó phòng phụ trách Kế toán, Công ty CP A5. vắng mặt
49. Dương Hồng A2; sinh năm: 1976; Trưởng phòng bảo hiểm, Công ty CP A5. vắng mặt
50. Phạm M2; sinh năm: 1989; Nhân viên phòng tổ chức- tổng hợp, Công ty CP A5. vắng mặt
51. Bùi Thị Hồng L4; sinh năm: 1983; Nhân viên phòng tổ chức- tổng hợp, Công ty CP A5. vắng mặt
52. Nguyễn Phú C3; sinh năm: 1972; chuyên viên phòng tài sản kỹ thuật, Công ty CP A5. vắng mặt
53. Lê Thị Thúy T19; sinh năm: 1996 ; Chuyên viên phòng tài sản kỹ thuật, Công ty CP A5. vắng mặt
54. Phan Quang Đ1; sinh năm: 1984; Trưởng phòng tài sản kỹ thuật, Công ty CP A5. vắng mặt
55. Trần Thị Thu H6; sinh năm: 1984; Nhân viên phòng bảo hiểm tài sản, Công ty CP A5. vắng mặt
56. Công ty A5. Địa chỉ: 4 H, phường H, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Phan Công T20; Chức vụ: Giám đốc. Có đơn xét xử vắng mặt
57. Lê Thị Diễm T21; sinh năm: 1985; Nhân viên phòng K6, Công ty A5. Có đơn xét xử vắng mặt
58. Nguyễn Thị P7; sinh năm: 1998; Nhân viên phòng K6, Công ty A5. Có đơn xét xử vắng mặt
59. Cao Xuân T22; sinh năm: 1981; Phó phòng Kinh doanh, Công ty A5. Có đơn xét xử vắng mặt
60. Công ty A5. Địa chỉ: B N, phường K, quận C , TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Bùi Thị Thanh X; Chức vụ: Phó tổng Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Liên Văn C; Trưởng P14. vắng mặt

61. Ngân hàng TMCP C6 - Chi nhánh Đ6. Địa chỉ: C N, quận L, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thành V3; Người đứng đầu chi nhánh. Đại diện theo ủy quyền: Trần Thị Anh Đ2; Nhân viên phòng tổ chức hành chính. Có đơn xét xử vắng mặt

62. Đường Thị Xuân T54; sinh năm: 1990; Nhân viên phòng DV khách hàng, Ngân hàng TMCP C6 - CN Đà Nẵng. Có đơn xét xử vắng mặt

63. Nguyễn Trùng K; sinh năm 1991; Nhân viên phòng tổ chức HC, Ngân hàng TMCP C6 - Chi nhánh Đ6. Có đơn xét xử vắng mặt

64. Lê Trọng P8; sinh năm: 1969; Nhân viên phòng tổ chức hành chính, Ngân hàng TMCP C6 - CN Đà Nẵng. Có đơn xét xử vắng mặt

65. Công đoàn công ty Đ7. Địa chỉ: KCN Đ, phường A, quận S, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đình H7 vụ: Chủ tịch công đoàn Tổng công ty Đ8. Đại diện theo ủy quyền: Huỳnh M3; Phó tổng Giám đốc. vắng mặt

66. Bảo hiểm xã hội thành phố Đ. Địa chỉ: D X, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trí Đ3; chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình H8; Trưởng phòng KHTC. vắng mặt

67. Công đoàn công ty Đ7. Địa chỉ: G D, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Trần Đình H9; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Hoàng Lê G; Kế toán trưởng. Có đơn xét xử vắng mặt

68. Công đoàn Công ty T58. Địa chỉ: D Q, phường H, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đình P9; Chức danh: Chủ tịch Công đoàn Công ty. vắng mặt

69. Ngân hàng Liên Doanh V12- Chi nhánh Đ6. Địa chỉ: 124-126-128 N, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Ông Mai Văn S2; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Hà Lê Quỳnh N7; Nhân viên ngân hàng. vắng mặt

70. Ban Quản Lý dự án điện nông thôn miền T- Tổng Công ty Đ8. Địa chỉ: H N, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Hùng V4; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền Hoàng Thị Khánh D1; Chức vụ: Kế toán trưởng. Có đơn xét xử vắng mặt

71. Văn phòng C9. Địa chỉ: C N, quận T, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị D2, Chức vụ: Trưởng văn phòng. Đại diện theo ủy quyền: Đặng Ngọc T23; Kế toán. Có đơn xét xử vắng mặt

72. Ngân hàng TMCP N17 - Chi nhánh Đ6. Địa chỉ: 1 L, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Lý Hoàng V5; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Trần Thị Thu T24; Trưởng phòng Kế toán. Có đơn xét xử vắng mặt

73. Ngân hàng TMCP Đ9, chi nhánh H43. Địa chỉ: C N, quận L, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Hữu H10; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Phạm Văn T25, Trưởng phòng kế hoạch tài chính. Có đơn xét xử vắng mặt

74. Ông Mai Đình H11; sinh năm: 1972; Trưởng phòng Quản lý rủi ro, Ngân hàng TMCP Đ9, CN H. Có đơn xét xử vắng mặt

75. Công ty CP A5 và Dịch vụ tài chính BTC Miền trung.Địa chỉ: 104-106-108 N, p H, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thị B2; chức vụ: Tổng Giám đốc. Có đơn xét xử vắng mặt

76. Công ty A5. Địa chỉ: A N, Quận N, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Lương M4; Chức vụ: Giám đốc. vắng mặt

77. Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên A5 sáng và thiết bị đô thị tại TP Đà Nẵng. Địa chỉ: C N, Quận T, TP Đà Nẵng.Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Đắc X1; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Lê Thị Thục Đ4; Kế toán chi nhánh. Có đơn xét xử vắng mặt

78. Chi nhánh Công ty cổ phần A5 tại Đà Nẵng. Địa chỉ: G H, Phường A, quận T, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Văn T26; Chức vụ: Giám đốc . vắng mặt

79. Công ty Cổ phần A5.Địa chỉ: A L, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Quang D3; Chức vụ: Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Lê N8; Kế toán trưởng. vắng mặt

80. Công ty Cổ phần A5. Địa chỉ: A V, Phường H, Quận C, TP Đà Nẵng.Đại diện theo pháp luật: Cáp Kim S3; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Đặng Thị Thu H12, Kế toán trưởng. vắng mặt

81. Công ty A5. Địa chỉ: G D, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Lê Thị Phương M5; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Đặng Thị Ngọc L5: Kế toán trưởng. Có đơn xét xử vắng mặt

82. Công ty TNHH T59. Địa chỉ: K Hải Phòng, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Đào Khả K1; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Lê Thị Thu T27; Kế toán trưởng. vắng mặt

83. Công ty Cổ phần A5. Địa chỉ: Số B đường C tháng B, phường T, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thanh T28; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Trương Công T29; Trưởng phòng Tổng hợp.có mặt

84. Chi nhánh công ty cổ phần A5 tại Đà Nẵng. Địa chỉ: G Đ, phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Hoàng Văn S4; Chức vụ: Người đứng đầu chi nhánh. vắng mặt

85. Nhà máy A6. Địa chỉ: Sân bay Đ. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh S5; Chức vụ: Phó Giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Vũ Huy D4; Trưởng phòng vật tư. vắng mặt

86. Công đoàn Công ty TNHH Một thành viên A5 (Công đoàn Công ty Cổ phần A5). Địa chỉ: B B, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Lê Tấn M6; Chức vụ: Chủ tịch Công đoàn. Đại diện theo ủy quyền: Ngô Thị Hồng V6; Ủy Viên. vắng mặt

87. Công ty TNHH MTV A5, Chi nhánh M11. Địa chỉ: đường số D KCN H, quận L, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Ngô Lê Quảng . Đại diện theo ủy quyền: Lê Trọng Hoàng S6; Kế toán. vắng mặt.

88. Tổng công ty H44, Chi nhánh Đ6. Địa chỉ: Tầng G Tòa nhà P, Số A đường B tháng I, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Phạm Hồng K2; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Phạm Thanh H13, Phó trưởng phòng. Có đơn xét xử vắng mặt

89. Công ty cổ phần A5. Địa chỉ: H đường L, phường H, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Ứng Văn P10; Chức vụ: Tổng Giám đốc. vắng mặt

90. Công ty TNHH một thành viên A5 xây dựng Viện thiết kế. Địa chỉ: E H, phường M, quận N, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Vũ Văn D5; Chức vụ: Quyền Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Trần Khánh T30; Trưởng ban tài chính. vắng mặt

91. Ban Q8 và Ban Quản lý dự án Doanh trại Sở Q8. Địa chỉ, A D, phường H, quận H, TP Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền Nguyễn Viết T31; Kế toán. vắng mặt

92. Công ty Cổ phần A5. Địa chỉ: E Đ, quận T, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Tú T32; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Ngọc H14, Trưởng phòng Kế toán HC. có mặt

93. Ngân hàng TMCP Q9, Chi nhánh Đ6. Địa chỉ: A đường B, phường B, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị Huỳnh N9; Chức vụ: Giám đốc. Có đơn xét xử vắng mặt

94. Công ty A5. Địa chỉ: A N, quận T, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Ngô Bắc Q5; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Lê Thị Thùy T33: Kế Toán. có mặt

95. Chế Thị Linh P11; sinh năm: 1971; Trưởng phòng kinh doanh, Công ty A5. vắng mặt

96. Ngân hàng TMCP C6, Chi nhánh S7. Địa chỉ: C T, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Đinh Xuân N10; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Tạ Văn H15; Trưởng phòng KT – TH. Có đơn xét xử vắng mặt

97. Trần Thị Thu H16; sinh năm: 1970; Chức vụ: Nhân viên phòng KTTH, Ngân hàng TMCP C6, CN Sông Hàn. Có đơn xét xử vắng mặt

98. V13, Chi nhánh Tập đoàn C10. Địa chỉ: I H, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Huỳnh Ngọc T34, Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Đặng Thị Thanh T35; Nhân viên kinh doanh. vắng mặt

99. Công ty A5, Chi nhánh Tổng công ty Đ8. Địa chỉ: C L, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Thái Văn C4; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Tạ Thị Mai T36: Trưởng phòng Tài chính. Có đơn xét xử vắng mặt

100. Hoàng Trung A3; sinh năm: 1991; Kỹ sư Công ty A5. Có đơn xét xử vắng mặt

101. Công ty Cổ phần A5. Địa chỉ: B Hải Phòng, quận T, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Bảo A4; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền Phí Đình N11; Trưởng phòng KD, Công ty Cổ phần A5. Có đơn xét xử vắng mặt

102. Nguyễn Đình H17; sinh năm: 1968; Nhân viên phòng KD, Công ty Cổ phần A5. Có đơn xét xử vắng mặt

103. Công ty A5. Địa chỉ: I T, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Trần Xuân T37; Chức vụ: Phó Giám Đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ngô Văn B3; Trưởng phòng Kế toán. Có đơn xét xử vắng mặt

104. Đoàn Ngọc B4; sinh năm: 1986; Nhân viên Kinh doanh phòng số 8, . Công ty A5. Có đơn xét xử vắng mặt

105. Công ty Cổ phần A5. Địa chỉ: B T, quận T, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Tôn Thất Lê Q6; Chức vụ Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thị Kim T38; Trưởng phòng Kế toán. Có đơn xét xử vắng mặt

106. Phạm Lê Quỳnh M7; sinh năm: 1987; Chức vụ: Kỹ sư, Công ty Cổ phần A5. Có đơn xét xử vắng mặt

107. Công ty T60, Chi nhánh Tổng Công ty P15, Công ty TNHH một thành viên A5. Địa chỉ: A X, quận C, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thành T39; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Đăng P12, Kế toán trưởng. có mặt

108. Hồ Thị Mỹ D6; sinh năm: 1985; Nhân viên Công ty T60,

109. Công ty A5. Địa chỉ: G B, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Đặng Văn M8; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thị Hoàng H18; Trưởng phòng Kế toán. vắng mặt

110. Công ty TNHH MTV A5 Mở. Địa chỉ: A H, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Phan Thị Hòa T40; Chức vụ: Giám đốc. Có đơn xét xử vắng mặt

111. Công ty A5. Địa chỉ: B N, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Phạm Quang T41; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Văn H19; Kế toán. Có đơn xét xử vắng mặt

112. Văn phòng Đại diện Ngân hàng TMCP C6. Địa chỉ: C T; quận H; TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Phú L6. Đại diện theo ủy quyền: Bùi Thị Huỳnh T42, Phó phòng TC-HC. vắng mặt

113. Công ty CP A5. Địa chỉ: B T, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Phạm Vũ B5; Chức vụ: Giám đốc điều hành. Đại diện ủy quyền: Trịnh Thị Thanh H20; phòng tổ chức hành chính. Có đơn xét xử vắng mặt

114. Chi nhánh Tổng công ty A5 – Nhà máy L11. Địa chỉ: A Y, phường T, quận S, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Trần Văn C5; Chức vụ: Giám đốc. Có đơn xét xử vắng mặt

115. Công ty A5, Chi nhánh Tổng công ty Đ8. Địa chỉ: 8 N, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Ngọc Á1, Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ngô Thanh H21; Kế toán trưởng. vắng mặt

116. Phan Văn P13; sinh năm: 1981; Nhân viên Công ty A5. vắng mặt

117. Nguyễn Thị Khánh H22; sinh năm: 1992; Nhân viên Công ty A5. vắng mặt

118. Công ty A5. Địa chỉ: A N, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Văn B6; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Khắc H23; Phó Giám đốc. vắng mặt

119. Nguyễn Thị M9; sinh năm: 1964; Trưởng phòng kinh doanh số 1, Công ty A5. vắng mặt

120. Công ty Cổ phần A5. Địa chỉ: A M, quận S, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Đặng Văn V7; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Lê Thị Thu N12; Kế toán. vắng mặt

121. Công ty X2. Địa chỉ: A H, phường N, TP Đ. Đại diện theo pháp luật: Lê Anh H24; chức vụ Giám đốc. Có đơn xét xử vắng mặt

122. Ngân hàng TMCP Đ9, Chi nhánh H45. Địa chỉ: H T, phường C, TP H, Quảng Nam. Đại diện theo pháp luật: Hoàng Minh T43; chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ca Hưng N13; Phó Giám đốc Chi nhánh. Có đơn xét xử vắng mặt

123. Trường S8. Địa chỉ T, S, Hà Nội. Hiệu trưởng: Đại tá Kiều Hữu K3. vắng mặt

124. Công ty cổ phần A5. Địa chỉ: C A P, phường H, TP P, tỉnh Gia Lai. Đại diện theo pháp luật: Bùi Trọng Y; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Trung Đ5; Nhân viên phòng tài chính tổng hợp. Có đơn xét xử vắng mặt

125. Ông Trần Văn T44; sinh năm 1969; Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty cổ phần A5. Có đơn xét xử vắng mặt

126. Ngân hàng TMCP N17, Chi nhánh G1. Địa chỉ: C Q, phường H, thành P, tỉnh Gia Lai. Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Minh T45; Chức vụ: Phó Giám đốc. vắng mặt

127. Công ty Đ10. Địa chỉ: A T, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum. vắng mặt

128. Công ty cổ phần A5. Địa chỉ: Thôn R, xã Z, Huyện Đ, tỉnh Quang Nam. Đại diện theo pháp luật: Trần Quang H25; Chức vụ: Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Đỗ Trung H26, Phó Tổng giám đốc. Có đơn xét xử vắng mặt

129. Phạm Ngọc T46; sinh năm 1980; Giám đốc vận hành Nhà máy T61. Có đơn xét xử vắng mặt

130. Chi nhánh Tổng công ty cổ phần D8. Địa chỉ: Càng H, Xã Q, Huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Đại diện theo pháp luật: Hoàng T47; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Đoàn Thị Thu H27, Kế toán trưởng. vắng mặt

131. Đoàn Thị Thu H28; sinh năm 1990; Kế toán Chi nhánh Tổng công ty cổ phần D8. Có đơn xét xử vắng mặt

132. Ngân hàng N18- Chi nhánh Khu công nghiệp Đ- Điện Ngọc Q- Khu C. Địa chỉ: Đ, Phường Đ, Thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Đại diện theo pháp luật: Tào Thị Hồng V8; Chức vụ: Giám đốc. vắng mặt

133. Lê Đỗ Thục Q7; sinh năm 1985; Nhân viên Ngân hàng A7-CN KCN Đ - Đ. vắng mặt

134. Nguyễn Thị P7; sinh năm 1995; Nhân viên Ngân hàng A7-CN KCN Đ - Đ. vắng mặt
135. Hà Đức H29; sinh năm 1995; Nhân viên Ngân hàng A7-CN KCN Đ - Đ. vắng mặt
136. Lương Thị Mai T48; sinh năm 1992; Nhân viên Ngân hàng A7-CN KCN Đ - Đ. vắng mặt
137. Công ty T62. Địa chỉ: A T, Phường Q, TP Q, tỉnh Bình Định. Đại diện theo pháp luật: Trường Hoàng V9; Chức vụ: Tổng Giám đốc. Đại diện theo uỷ quyền: Đặng Văn T49 Giám đốc công ty T62. vắng mặt
138. Ngô Thái H30; sinh năm 1980; Kỹ sư an toàn- Công ty T62. Có đơn xét xử vắng mặt
139. Công ty TNHH MTV A5. Địa chỉ: H T, p. V, TP N, tỉnh Khánh Hòa. Đại diện: Trần Tú V10: Kế toán. vắng mặt
140. Công ty cổ phần A5. Địa chỉ: A H, phường L, TP N, tỉnh Khánh Hòa. Đại diện theo pháp luật: Trần Cao H31; chức vụ: Tổng Giám đốc. Có đơn xét xử vắng mặt
141. Trần Anh T50; sinh năm 1990; Cán bộ Công ty Cổ phần A5. vắng mặt
142. Công ty TNHH S9, du lịch khám phá. Địa chỉ: B phố T, phường Đ, quận H, Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Trần Thùy L7; Chức vụ: Giám đốc. vắng mặt
143. Ngân hàng TMCP Đ11. Địa chỉ-B N, phường T, Quận H, TP Hà Nội. Đại diện: Giang Thị Hồng H32; Trưởng phòng kế toán nội bộ Ngân hàng TMCP Đ11. vắng mặt
144. Công ty TNHH Một thành viên A5. Địa chỉ: A tầng A Nhà Đ TT V, phường T, quận Đ, TP Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Phạm Quang H33; Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo uỷ quyền: Tạ Hải L8; Kế toán trưởng. vắng mặt
145. Chi nhánh công ty cổ phần A5 và khu C- Đà Nẵng tại Quảng Nam. Địa chỉ: D Q, quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Xuân D7; chức vụ: Giám đốc. vắng mặt
146. Huỳnh Diệu T51; sinh năm 1976; Nhân viên Chi nhánh công ty cổ phần A5 và khu C- Đà Nẵng tại Quảng Nam. vắng mặt
147. Đặng Thành T52; sinh năm 1976; Nhân viên Chi nhánh công ty cổ phần A5 và khu C- Đà Nẵng tại Quảng Nam. vắng mặt
148. Ngân hàng TMCP Đ9, chi nhánh S7 Địa chỉ: A L, Quận H, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Lê Quốc V11; chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo uỷ quyền: Nguyễn Thị Kim O, Trưởng phòng quản lý rủi ro ngân hàng TMCP Đ9 –CN sông H. Có đơn xét xử vắng mặt
149. Nguyễn Thị L9; sinh năm 1979; Nhân viên phòng giao dịch Ngân hàng TMCP Đ9 –CN sông H. Có đơn xét xử vắng mặt
150. Nguyễn Phan Hạ K4; sinh năm 1982; Nhân viên phòng giao dịch Ngân hàng TMCP Đ9 –CN sông H. Có đơn xét xử vắng mặt
151. Ban quản lý dự án các công trình điện M. Địa chỉ: B X, Quận C, Thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Lê Xuân H34; chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo uỷ

- quyền: Phùng Ngọc Á2 Trưởng phòng tổng hợp; Ban quản lý dự án các công trình điện miền T. Có mặt
152. Phan Thị H35; sinh năm 1986; Nhân viên phòng tổng hợp – Ban QLDA các công trình điện M. vắng mặt
153. Khương Thị Thanh H36; sinh năm 1987; Nhân viên phòng tổng hợp – Ban QLDA các công trình điện M. vắng mặt
154. Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV A5. Địa chỉ: F Đ, Quận T, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Đăng H37; chức vụ: Giám đốc. vắng mặt
153. Công ty cổ phần A5. Địa chỉ: I Y, phường T, quận S, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Trần Phước H38; Chức vụ: Giám đốc. vắng mặt
154. Nguyễn Quang N14; sinh năm 1998; Nhân viên phòng Kinh doanh vận tải, Công ty cổ phần A5. vắng mặt
155. Đào Bùi Đoan T55; sinh năm 1988; Nhân viên phòng Kinh doanh vận tải, Công ty cổ phần A5. vắng mặt
156. Nguyễn Thị Hiệp H39; sinh năm 1994; Nhân viên phòng Kinh doanh kho, Công ty cổ phần A5. vắng mặt
157. Đặng Thị Hải Y1; sinh năm 1981; Nhân viên phòng Kinh doanh kho, Công ty cổ phần A5. vắng mặt
158. Công ty TNHH MTV A5. Địa chỉ B H, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. vắng mặt
159. Tổng Công ty cổ phần C6. Địa chỉ: Tầng A, A tòa nhà A Đ, quận B, TP Hà Nội, vắng mặt
160. Công ty cổ phần A5. Địa chỉ: 0 T, Phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. vắng mặt
161. Công ty TNHH T63. Địa chỉ: 1 N, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. vắng mặt
162. Công ty TNHH MTV A5 và khai thác tài sản- Ngân hàng TMCP X3. Địa chỉ B T, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. vắng mặt
163. Ngân hàng TMCP N19. Địa chỉ: B Cách mạng tháng 8, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. vắng mặt
164. Ngân hàng TMCP Á3. Địa chỉ D N, phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. vắng mặt
165. Công ty CP A5. Địa chỉ: Lầu C, số G N, Phường V, Quận C, TP HCM. vắng mặt
166. Công ty TNHH B8. Địa chỉ: 4 T, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. vắng mặt
167. Ngân hàng TMCP N17- Chi nhánh Đ12. Địa chỉ: 5 V, phường Q, TP B, tỉnh Đồng Nai. Có đơn xét xử vắng mặt
168. Công ty TNHH B9. Địa chỉ: A H, phường H, quận N, TP Đà Nẵng. vắng mặt
169. Nguyễn Thị H40; sinh năm 1984; Kế toán Công ty TNHH B9. vắng mặt.

170. Lê Thị Thu N15, sinh năm 1992. Địa chỉ: C N, Đà Nẵng. vắng mặt

171. Nguyễn Thị Thanh H41, sinh năm 1987; Công ty TNHH B9. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Ngọc A ký hợp đồng làm việc tại Công ty Cổ phần A5 từ tháng ngày 01/5/2023 với vị trí làm việc là kế toán nhà hàng. Công việc của Ngọc A là làm báo cáo doanh thu hằng ngày, rà soát dòng tiền vào, ra trên hệ thống của công ty, kiểm tra hàng nhập hằng ngày, chốt công nợ và thanh toán cho nhà cung cấp, xuất hoá đơn cho khách hàng sử dụng dịch vụ... (có hợp đồng lao động kèm theo), trong quá trình làm việc tại công ty, giám đốc là ông Đoàn Bá P1 (sinh năm 1987; trú: tổ A, phường K, quận N) có giao chữ ký số cho Ngọc A quản lý để thuận tiện cho việc xuất hoá đơn theo yêu cầu của những khách hàng sử dụng dịch vụ thực tế tại nhà hàng. Trong thời gian từ tháng 7/2023 đến tháng 10/2023, đã lợi dụng sự lỏng lẻo trong quản lý chữ ký số và đối chiếu doanh thu của Công ty Cổ phần A5, Ngọc A đã xuất không bán ra tổng cộng 453 tờ hóa đơn GTGT (nằm trong tổng số 508 tờ hóa đơn GTGT mà Công ty Cổ phần A5 đã hủy), tổng giá trị trước thuế là 3.408.531.326 đồng cho 111 đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và các tỉnh thành khác. Ngọc A không biết rõ lai lịch của những người đại diện các đơn vị, doanh nghiệp trên đã liên hệ với Ngọc A để mua hóa đơn. Những người mua liên lạc với Ngọc A qua mạng xã hội zalo theo số điện thoại 0987188875 (thông tin liên lạc để công khai tại quầy thanh toán của nhà hàng A8) để thỏa thuận về việc mua hóa đơn GTGT của Công ty Cổ phần A5. Sau khi thống nhất nội dung, phí xuất hóa đơn và nhận được thông tin hóa đơn cần xuất từ các đối tượng mua thì Ngọc A sử dụng chữ ký số của Công ty cổ phần A5 xuất hóa đơn theo yêu cầu. Tiền phí hóa đơn các đối tượng thanh toán dưới hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của Ngọc A số 1027169433 mở tại ngân hàng V14 mang tên Nguyễn Thị Ngọc A. Ngọc A thu lợi từ việc bán hóa đơn là 4-10% trên tổng giá trị hóa đơn. Theo Ngọc A khai nhận, tổng số tiền thu lợi từ việc bán 453 tờ hóa đơn khoảng hơn 160.000.000 đồng. Ngọc A không biết những người mua hóa đơn đã sử dụng để kê khai, quyết toán thuế cụ thể như thế nào. Đến cuối tháng 10/2023, Ngọc A nghỉ việc tại Công ty Cổ phần A5 và bàn giao lại toàn bộ chữ ký số cũng như sổ sách kế toán đang quản lý.

Ngày 30/10/2023, nhận được báo cáo thuế từ phía kế toán thuế (Công ty TNHH D9; Địa chỉ: F V, C, T, Đà Nẵng - do Công ty Cổ phần A5 thuê dịch vụ kê khai thuế hàng tháng), ông Đoàn Bá P1 phát hiện ra số hóa đơn xuất từ tháng 7/2023 đến tháng 10/2023 vượt xa doanh thu thực tế của nhà hàng. Kiểm tra phần mềm xuất hóa đơn, đối chiếu thực tế khách hàng có sử dụng dịch vụ tại nhà hàng A9 và làm việc trực tiếp với Nguyễn Thị Ngọc A thì Ngọc A đã thừa nhận hành vi mua bán trái phép hóa đơn

của mình. Do đó, ngày ông P1 đã làm đơn trình báo cơ quan CSĐT Công an quận S tố cáo hành vi của Ngọc A.

Tang vật thu giữ:

- 01 đơn trình báo;
- 01 công văn giải trình;
- 01 Quyết định về việc bổ nhiệm người phụ trách kế toán của Công ty Cổ phần

A5;

- Danh sách hoá đơn xuất không từ tháng 7/2023 đến tháng 10/2023.

I. Qua điều tra xác định, có 12 đơn vị đã mua 47 hóa đơn của Công ty Cổ phần A5 do Ngọc A xuất bán, cụ thể:

1. Trung tâm K5 (MST 0400258282)

Ngọc A xuất bán cho đơn vị 03 tờ hóa đơn (số 395 ký hiệu 1C23TAA ngày 04/10/2023; số 481 ký hiệu 1C23TAA ngày 12/10/2023; số 551 ký hiệu 1C23TAA ngày 18/10/2023, tổng giá trị bao gồm thuế của 03 tờ hóa đơn là 24.565.600 đồng), bà Lê Thị Kim B (sinh năm 1978; trú: B C, phường T, quận H - là kế toán trưởng của trung tâm) đã thừa nhận mua 03 tờ hóa đơn trên thông qua bà Nguyễn Thị H40 (sinh năm 1984; HKTT: Tổ E, H, quận L, TP Đà Nẵng - là nhân viên nhà hàng 4U đường P, TP Đà Nẵng) với mức phí là 10% tương ứng với tổng số tiền 2.456.000 đồng. Sau khi mang hoá đơn về và làm thủ tục thanh toán tại đơn vị thì bà B phát hiện 03 hóa đơn nêu trên đã bị hủy trên hệ thống nên bà B đã không kê khai thuế đối với 03 tờ hóa đơn trên.

Qua làm việc, bà Nguyễn Thị H40 mua 03 hoá đơn trên từ bà H42 (không rõ nhân thân lai lịch, là khách hay đến nhà hàng D10 đường P, TP.Đà Nẵng để sử dụng dịch vụ) với giá trị tương ứng 10% tương ứng với tổng số tiền 2.456.000 đồng. Bà H40 chỉ mua giúp hoá đơn cho bà B, không hưởng chênh lệch, giao dịch với bà H42 bằng tiền mặt, nhận hoá đơn giấy.

Ngọc A khai nhận đối với 03 hoá đơn nêu trên, Ngọc A thu lợi bất chính số tiền 906.520 đồng.

2. Công ty Cổ phần A5 (MST 0300437898-008)

Ngọc A xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số 303 ký hiệu 1C23TAA ngày 19/9/2023, giá trị bao gồm thuế là 14.073.360 đồng), ông Nguyễn Văn T2 (sinh năm 1976; trú: số C L, quận H - Phó phòng thương vụ đại lý) thừa nhận có liên hệ bà Lê Thị Thu N15 (sinh năm 1992; HKTT: 39 N, TP Đà Nẵng – Nhân viên nhà hàng H46 đường Đ, TP Đà Nẵng) để mua tờ hóa đơn trên, mức phí 1.548.000 đồng. Sau đó ông T2 mang hóa đơn trên về thanh toán. Phòng T64 đã kiểm tra tính pháp lý hóa đơn thông qua kiểm tra thông tin công ty trên trang chủ cổng thông tin T65 xác nhận hợp lệ nên đã kê khai thuế. Sau đó, do tờ hóa đơn nêu trên Công ty cổ phần A5 đã hủy trên hệ

thông nên đơn vị phát hiện rủi ro về thuế đã khai lại thuế, xuất toán đối với tờ hóa đơn nêu trên, yêu cầu ông T2 nộp lại số tiền đã thanh toán.

Qua làm việc, bà Lê Thị Thu N15 thừa nhận đã liên hệ trực tiếp với Nguyễn Thị Ngọc A để mua hóa đơn trên với giá theo giá trị thuế ghi trên hóa đơn là 1.081.000 đồng. (Thu Na hưởng chênh lệch 467.000 đồng).

Ngọc A khai nhận đối với 01 hoá đơn nêu trên, Ngọc A thu lợi bất chính số tiền 1.081.000 đồng

3. Công ty Cổ phần A5 (MST 0100763132-002)

Ngọc A xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số 333 ký hiệu 1C23TAA ngày 23/9/2023, giá trị bao gồm thuế là 6.750.000 đồng), bà Nguyễn Thu P2 (sinh năm 1977; trú: số D N, quận H – phụ trách phòng tổng hợp) mua hoá đơn trên thông qua một người bạn xã hội tên D6 (sử dụng số điện thoại 0905592085, không rõ nhân thân lai lịch) với mức phí 675.000 đồng. Sau đó chị P2 mang hóa đơn trên về thanh toán. Phòng T64 đã kiểm tra tính pháp lý hóa đơn thông qua kiểm tra thông tin công ty trên trang chủ cổng thông tin T65 xác nhận hợp lệ nên đã kê khai thuế. Sau đó, do tờ hóa đơn nêu trên Công ty cổ phần A5 đã hủy trên hệ thống nên đơn vị phát hiện rủi ro về thuế đã khai lại thuế, xuất toán đối với tờ hóa đơn nêu trên, yêu cầu chị P2 nộp lại số tiền đã thanh toán.

Ngày 11/12/2024 Cơ quan CSĐT C11 gửi yêu cầu số 2616 và ngày 27/12/2024 Cơ quan CSĐT C11 gửi yêu cầu số 1789 đến Công ty D11 khu vực 3 về việc cung cấp thông tin số thuê bao 0905592085 nhưng đến nay chưa nhận được kết quả trả lời.

Ngọc A khai nhận đối với 01 hoá đơn nêu trên, Ngọc A thu lợi bất chính số tiền 498.000 đồng.

4. Công ty A5(MST: 0400101683)

Ngọc A xuất bán cho đơn vị 02 tờ hóa đơn (số 396 ký hiệu 1C23TAA ngày 04/10/2023; số 565 ký hiệu 1C23TAA ngày 20/10/2023, tổng giá trị bao gồm thuế của 02 tờ hóa đơn là 11.011.440 đồng).

Bà Nguyễn Thị Mộng H (sinh năm 1969; trú: A L, phường H, quận C - chuyên viên phòng Tổ chức – Hành chính) đã mua tờ hóa đơn số 396 thông qua đối tượng tên V7 (không rõ lai lịch, sử dụng số điện thoại 0911049559) với mức phí 550.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn L (sinh năm 1972; trú: C T, phường X, quận T - Nhân viên phòng quản lý kỹ thuật) đã mua tờ hóa đơn số 565 thông qua bà Nguyễn Thị Thanh H41 (SN: 1979; Tổ A, phường H, N, TP Đà Nẵng) với mức phí 470.000 đồng.

Sau đó, bà H và ông L mang hóa đơn trên về thanh toán tại đơn vị. Bộ phận kế toán đã kiểm tra tính pháp lý hóa đơn thông qua kiểm tra thông tin công ty trên trang chủ cổng thông tin T65 xác nhận hợp lệ nên đã kê khai thuế. Sau đó, do 02 tờ hóa đơn nêu trên bị Công ty cổ phần A5 đã hủy trên hệ thống nên đơn vị phát hiện rủi ro về

thuế đã khai lại thuế, xuất toán đối với tờ hóa đơn nêu trên, yêu cầu bà H và ông L nộp lại số tiền đã thanh toán.

Ngoài ra, Ngọc A còn khai đã bán cho đơn vị 04 tờ hoá đơn (số 265 ký hiệu 1C23TAA ngày 11/9/2023; số 529 ký hiệu 1C23TAA ngày 17/10/2023; số 617 ký hiệu 1C23TAA ngày 24/10/2023; số 668 ký hiệu 1C23TAA ngày 26/10/2023), tuy nhiên, 04 hoá đơn này Công ty A5 – TNHH MTV thực tế không kê khai thuế và cũng không biết lý do Ngọc A xuất các hoá đơn này.

Qua xác minh chủ thuê bao số 0911049559 xác định thông tin đứng tên chủ thuê bao là Công ty TNHH T66, địa chỉ thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Ngày 15/01/2025 cơ quan CSĐT C11 đã có Ủy thác điều tra số 52 cho cơ quan CSĐT Công an huyện Q làm rõ nhưng đến nay chưa nhận được kết quả trả lời.

Ngọc A khai nhận đối với 02 hoá đơn nêu trên, Ngọc A thu lợi bất chính số tiền 812.000 đồng.

5. Công ty A5 (MST 0101335193-002)

Ngọc A xuất bán cho đơn vị 16 tờ hóa đơn (số 579 ngày 21/7/2023 ký hiệu C23TAM; số 613 ngày 25/7/2023 ký hiệu C23TAM; số 619 ngày 26/7/2023 ký hiệu C23TAM; số 620 ngày 26/7/2023 ký hiệu C23TAM; số 218 ngày 02/9/2023 ký hiệu C23TAA; số 352 ngày 27/9/2023 ký hiệu C23TAA; số 417 ngày 07/10/2023 ký hiệu C23TAA; số 497 ngày 14/10/2023 ký hiệu C23TAA; số 555 ngày 18/7/2023 ký hiệu C23TAM; số 569 ngày 20/7/2023 ký hiệu C23TAM; số 570 ngày 20/7/2023 ký hiệu C23TAM; số 244 ngày 08/9/2023 ký hiệu C23TAA; số 316 ngày 21/9/2023 ký hiệu C23TAA; số 359 ngày 28/9/2023 ký hiệu C23TAA; số 459 ngày 11/10/2023 ký hiệu C23TAA; số 507 ngày 15/10/2023 ký hiệu C23TAA, tổng giá trị bao gồm thuế của 16 tờ hóa đơn là 90.721.520 đồng).

Ông Nguyễn Lê T4 (Sinh năm 1996; trú: Bàu Ốc, C, TP H, tỉnh Quảng Nam - nhân viên thuộc phòng K7) đã mua 08 hóa đơn (số 579; 613; 619; 620; 218; 352; 417; 497) thông qua một kế toán dịch vụ quen qua mạng xã hội (không rõ nhân thân, lai lịch) với tổng mức phí 4.565.002 đồng, mỗi lần giao dịch đều nhận hóa giấy và trả tiền mặt. Sau đó, T4 nhận thấy sử dụng hóa đơn trên là trái pháp luật nên đã tự hủy không sử dụng để thanh toán.

Ông Bùi Duy H1 (sinh năm 1993; trú: 2 N, phường H, quận H - nhân viên phòng kinh doanh 04) đã mua 08 hóa đơn (số 555; 569; 570; 244; 316; 359; 459; 507) thông qua một kế toán dịch vụ quen qua mạng xã hội (không rõ nhân thân, lai lịch) với tổng mức phí 4.507.150 đồng, mỗi lần giao dịch đều nhận hóa đơn giấy và trả tiền mặt. Sau đó, H1 nhận thấy sử dụng hóa đơn trên là trái pháp luật nên đã tự hủy không sử dụng để thanh toán.

Ngoài ra, Ngọc A còn khai đã bán cho đơn vị 41 tờ hoá đơn (số 525 ký hiệu 1C23TAA ngày 17/10/2023; số 512 ký hiệu 2C23TAA ngày 16/10/2023; số 503 ký

hiệu 4C23TAA ngày 15/10/2023; số 487 ký hiệu 6C23TAA ngày 13/10/2023; số 435 ký hiệu 8C23TAA ngày 19/10/2023; số 401 ký hiệu 11C23TAA ngày 05/10/2023; số hoá đơn 397 ký hiệu 12C23TAA ngày 04/10/2023; số 380 ký hiệu 13C23TAA ngày 02/10/2023; số 369 ký hiệu 14C23TAA ngày 30/09/2023; số 365 ký hiệu 15C23TAA ngày 29/09/2023; số 350 ký hiệu 18C23TAA ngày 26/09/2023; số 309 ký hiệu 21C23TAA ngày 20/09/2023; số 300 ký hiệu 22C23TAA ngày 18/09/2023; số 295 ký hiệu 23C23TAA ngày 15/09/2023; số 286 ký hiệu 24C23TAA ngày 14/09/2023; số 277 ký hiệu 25C23TAA ngày 13/09/2023; số 270 ký hiệu 26C23TAA ngày 12/09/2023; số 269 ký hiệu 27C23TAA ngày 12/09/2023; số 268 ký hiệu 28C23TAA ngày 12/09/2023; số 260 ký hiệu 29C23TAA ngày 10/09/2023; số 251 ký hiệu 30C23TAA ngày 09/09/2023; số 240 ký hiệu 32C23TAA ngày 07/09/2023; số 233 ký hiệu 33C23TAA ngày 06/09/2023; số 230 ký hiệu 34C23TAA ngày 05/09/2023; số 206 ký hiệu 36C23TAA ngày 31/08/2023; số 190 ký hiệu 37C23TAA ngày 28/08/2023; số 179 ký hiệu 38C23TAA ngày 26/08/2023; số 159 ký hiệu 39C23TAA ngày 23/08/2023; số 151 ký hiệu 40C23TAA ngày 22/08/2023; số 143 ký hiệu 41C23TAA ngày 20/08/2023; số 120 ký hiệu 42C23TAA ngày 15/08/2023; số 117 ký hiệu 43C23TAA ngày 15/08/2023; số 103 ký hiệu 44C23TAA ngày 13/08/2023; số 089 ký hiệu 45C23TAA ngày 11/08/2023; số 077 ký hiệu 46C23TAA ngày 09/08/2023; số 062 ký hiệu 47C23TAA ngày 06/08/2023; số 052 ký hiệu 48C23TAA ngày 03/08/2023; số 025 ký hiệu 49C23TAA ngày 29/07/2023; số 006 ký hiệu 50C23TAA ngày 26/07/2023). Tuy nhiên, 41 hoá đơn này thực tế Công ty A5 không kê khai thuế và cũng không biết lý do Ngọc A xuất các hoá đơn này.

Ngọc A khai nhận đối với 16 hoá đơn nêu trên, Ngọc A thu lợi bất chính tổng số tiền 5.023.000 đồng.

6. Công ty cổ phần A5 (MST 0400101972)

Ngọc A xuất bán cho đơn vị 07 tờ hóa đơn (số 326 ngày 22/9/2023 ký hiệu C23TAA; số 332 ngày 23/9/2023 ký hiệu C23TAA; 429 ngày 08/10/2023 ký hiệu C23TAA; số 491 ngày 13/10/2023 ký hiệu C23TAA; số 620 ngày 24/10/2023 ký hiệu C23TAA; số 332 ngày 23/9/2023 ký hiệu C23TAA; số 356 ngày 28/9/2023 ký hiệu C23TAA, tổng giá trị bao gồm thuế của 07 tờ hóa đơn là 54.697.880 đồng).

Ông Bùi Duy H2 (sinh năm 1985; trú: tổ A phường T, quận T - Chuyên viên phòng giám sát chất lượng – An toàn lao động) mua tờ hóa đơn số 326; ông Mai Xuân T7 (sinh năm 1976; trú: K N, phường N, quận H - Nhân viên trung tâm L10) mua tờ hóa đơn số 332; ông Trần Quốc N (sinh năm 1989; trú: G L, phường H, quận H – thư ký Hội đồng quản trị công ty) mua tờ hóa đơn số 429 và 491; bà Mạc Thị Quỳnh T8 (sinh năm 1982; trú: A H, phường T, quận H - Nhân viên phòng hành chính tổng hợp) mua tờ hóa đơn số 332, tất cả đều mua hoá đơn thông qua đối tượng tên T53, sử dụng số điện thoại 0397557499, tài khoản ngân hàng V14 số 0041000307518.

Ông Phan Bảo L1 (sinh năm 1982; trú: F T, phường H, quận H – thành viên Hội đồng quản trị công ty) mua tờ hóa đơn số 620 thông qua ông Trần Quốc N.

Bà Nguyễn Thị Ngọc T6 (sinh năm 1990; trú: A H, phường P, quận H - Nhân viên văn phòng tổng hợp cảng T) mua tờ hóa đơn số 356 thông qua ông Bùi Duy H2.

07 hóa đơn trên được các nhân viên nêu trên mang về thanh toán chi phí lại cho công ty. Tại thời điểm thanh toán, bộ phận kế toán đã kiểm tra tính pháp lý hóa đơn thông qua kiểm tra thông tin công ty trên trang chủ cổng thông tin T65 xác nhận hợp lệ nên đã kê khai thuế. Sau đó, do 07 tờ hóa đơn nêu trên Công ty cổ phần A5 đã hủy trên hệ thống nên đơn vị phát hiện rủi ro về thuế đã khai lại thuế, xuất toán đối với tờ hóa đơn nêu trên, yêu cầu các nhân viên trên nộp lại số tiền đã thanh toán.

Ngày 11/12/2024 Cơ quan CSĐT C11 gửi yêu cầu số 2617 và ngày 27/12/2024 Cơ quan CSĐT C11 gửi yêu cầu số 1788 đến Cục bảo vệ an ninh quân đội, tập đoàn C12 về việc cung cấp thông tin số thuê bao 0397557499, đến nay chưa nhận được kết quả trả lời.

Ngày 11/12/2024 Cơ quan CSĐT C11 gửi yêu cầu số 2619 và ngày 27/12/2024 Cơ quan CSĐT C11 gửi yêu cầu số 1790 đến Ngân hàng cổ phần N17 về việc cung cấp thông tin chủ tài khoản số 0041000307518, đến nay chưa nhận được kết quả trả lời.

Ngọc A khai nhận đối với 07 hoá đơn nêu trên, Ngọc A thu lợi bất chính tổng số tiền 4.037.000 đồng.

7. Công ty A5 (MST 0105402531-012)

Ngọc A xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số 341 ngày 25/9/2023 ký hiệu C23TAA, giá trị bao gồm thuế là 4.994.400 đồng). Bà Nguyễn Thị H3 (sinh năm 1984; trú: F N, phường H, quận C - trưởng phòng kinh doanh 7) mua hoá đơn trên thông qua Trần Thị Vi N16 (sinh năm 1983; sử dụng số điện thoại 0977130246, tài khoản ngân hàng V14 số 0041000379356) với mức phí 389.000 đồng. Sau đó, bà H3 mang hóa đơn trên về công ty thanh toán. Tại thời điểm thanh toán, bộ phận kế toán đã kiểm tra tính pháp lý hóa đơn thông qua kiểm tra thông tin công ty trên trang chủ cổng thông tin T65 xác nhận hợp lệ nên đã kê khai thuế. Sau đó, do tờ hóa đơn nêu trên Công ty cổ phần A5 đã hủy trên hệ thống nên đơn vị phát hiện rủi ro về thuế đã khai lại thuế, xuất toán đối với tờ hóa đơn nêu trên, yêu cầu bà H3 nộp lại số tiền đã thanh toán.

Ngày 11/12/2024 Cơ quan CSĐT C11 gửi yêu cầu số 2617 và ngày 27/12/2024 Cơ quan CSĐT C11 gửi yêu cầu số 1788 đến Cục bảo vệ an ninh quân đội, tập đoàn C12 về việc cung cấp thông tin số thuê bao 0977130246, đến nay chưa nhận được kết quả trả lời.

Ngày 11/12/2024 Cơ quan CSĐT C11 gửi yêu cầu số 2619 và ngày 27/12/2024 Cơ quan CSĐT C11 gửi yêu cầu số 1790 đến Ngân hàng cổ phần N17 về việc cung

cấp thông tin chủ tài khoản số 0041000379356, đến nay chưa nhận được kết quả trả lời.

Ngọc A khai nhận đối với 01 hoá đơn nêu trên, Ngọc A thu lợi bất chính tổng số tiền 276.000 đồng.

8. Ngân hàng Thương mại cổ phần C6 – chi nhánh Đ6 (MST 0100111948-022)

Ngọc A xuất bán cho đơn vị 07 tờ hóa đơn (số 50 ký hiệu 1C23TAA ngày 03/8/2023; số 246 ký hiệu 1C23TAA ngày 08/9/2023; số 343 ký hiệu 1C23TAA ngày 25/9/2023; số 390 ký hiệu 1C23TAA ngày 04/10/2023; số 579 ký hiệu 1C23TAA ngày 21/10/2023; số 506 ký hiệu 1C23TAA ngày 15/10/2023; số 631 ký hiệu 1C23TAA ngày 24/10/2023, tổng giá trị bao gồm thuế của 08 tờ hóa đơn là 92.273.320 đồng).

Bà Lê Thị Phương T11 (sinh năm 1989; trú: số G N, phường H, quận H - Nhân viên phòng khách hàng doanh nghiệp lớn) đã mua 05 hóa đơn trực tiếp từ Nguyễn Thị Ngọc A, cụ thể: hoá đơn số 50 với mức phí 1.000.000 đồng, số 246 với mức phí 1.250.000 đồng, số 343 với mức phí 997.000 đồng. Đối với hoá đơn 390 viết tăng thêm với mức phí 260.000 đồng, hoá đơn 579 viết tăng thêm với mức phí 700.000 đồng. Các lần thanh toán T11 đều chuyển khoản trực tiếp vào số tài khoản 1027169433, ngân hàng V14 của Nguyễn Thị Ngọc A.

Bà Lê Thị Trang A1 (sinh năm 1976; trú: 1 L, phường T, quận H - Trưởng phòng dịch vụ khách hàng) đã mua hóa đơn số 506 và 631 thông qua đối tượng tên P7 (không rõ nhân thân lai lịch) với tổng mức phí 1.523.000 đồng.

Sau đó, bà T11 và A1 đã mang các hoá đơn trên về cho công ty thanh toán. Tại thời điểm thanh toán, bộ phận kế toán đã kiểm tra tính pháp lý các hóa đơn thông qua kiểm tra thông tin công ty trên trang chủ cổng thông tin T65 xác nhận hợp lệ nên đã kê khai thuế. Sau đó, do các tờ hóa đơn nêu trên Công ty cổ phần A5 đã hủy trên hệ thống nên đơn vị phát hiện rủi ro về thuế đã khai lại thuế, xuất toán đối với tờ hóa đơn nêu trên, yêu cầu bà T11 và Anh nộp lại số tiền đã thanh toán.

Ngoài ra, Ngọc A còn khai nhận đã bán 04 hoá đơn số 588 ký hiệu 1C23TAA ngày 23/10/2023; số 663 ký hiệu 1C23TAA ngày 26/10/2023; số 683 ký hiệu 1C23TAA ngày 27/10/2023; số 383 ký hiệu 1C23TAA ngày 03/10/2023. Tuy nhiên, đối với hoá đơn số C, bà Lê Thị Phương T11 khai nhận thực tế có sử dụng dịch vụ tại nhà hàng A9 và lấy hoá đơn về thanh toán, không thừa nhận việc mua hoá đơn này. Riêng đối với các hoá đơn số 588, 663 và 683, Ngân hàng Thương mại cổ phần C6 – chi nhánh Đ6 không kê khai thuế và không biết nguồn gốc của 03 hoá đơn này.

Ngọc A khai nhận đối với 07 hoá đơn nêu trên, Ngọc A thu lợi bất chính tổng số tiền 5.727.000 đồng.

9. Công Ty C7 Chi Nhánh Đ6 (MST: 0100777569-005)

Ngọc A xuất bán cho đơn vị 02 tờ hóa đơn (số 413 ký hiệu 1C23TAA ngày 06/10/2023, số 713 ký hiệu 1C23TAA ngày 28/10/2023, tổng giá trị bao gồm thuế của 02 tờ hóa đơn là 11.137.200 đồng). Bà Đoàn Thị Thúy N1 (sinh năm 1977; trú: F V, phường T, quận T - Kế toán trưởng) đã mua 02 tờ hóa đơn trên thông qua Lê Thị Thu N15 (sinh 1992; HKTT: 39 N, TP Đà Nẵng – Nhân viên nhà hàng H46 đường Đ, TP Đà Nẵng) với tổng mức phí 1.112.000 đồng, thanh toán bằng hình thức chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng V15 số 104876376770 mang tên Lê Thị Thu N15. Lê Thị Thu N15 đã liên hệ trực tiếp bị can Nguyễn Thị Ngọc A để mua hóa đơn trên với tổng mức phí 872.000 đồng. 02 tờ hóa đơn trên đã bị hủy trên hệ thống nên bà N1 không kê khai thuế đối với 02 tờ hóa đơn trên.

Ngọc A khai nhận đối với 02 hoá đơn nêu trên, Ngọc A thu lợi bất chính tổng số tiền 872.000 đồng.

10. Công Ty Cổ Phần A5 (MST: 0400101066)

Ngọc A xuất bán cho đơn vị 03 tờ hóa đơn (số 699 ký hiệu 1C23TAA ngày 28/10/2023, số 690 ký hiệu 1C23TAA ngày 27/10/2023, số 670 ký hiệu 1C23TAA ngày 26/10/2023, tổng giá trị bao gồm thuế của 03 tờ hóa đơn là 25.940.280 đồng). Bà Trịnh Trần Song H4 (sinh năm 1977; trú: E L, quận H - nhân viên xí nghiệp C8) đã mua 03 tờ hóa đơn trên thông qua đối tượng tên M10 với tổng mức phí 3.350.000 đồng. Bà H4 thanh toán chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng T67 số 19032651968011 mang tên “Nguyễn Thị My”. Sau đó, bà H4 đưa hóa đơn số 690 cho công ty để làm thủ tục thanh toán. Tại thời điểm thanh toán, bộ phận kế toán đã kiểm tra tính pháp lý hóa đơn thông qua kiểm tra thông tin công ty trên trang chủ cổng thông tin T65 xác nhận hợp lệ nên đã kê khai thuế. Sau đó, do các tờ hóa đơn nêu trên Công ty cổ phần A5 đã hủy trên hệ thống nên đơn vị phát hiện rủi ro về thuế đã khai lại thuế, xuất toán đối với tờ hóa đơn nêu trên. Hai tờ hóa đơn số 670, 699 bà H4 đã hủy bỏ không dùng kê khai thuế.

Ngày 11/12/2024 Cơ quan CSĐT C11 gửi yêu cầu số 2620 đến Ngân hàng Thương mại cổ phần K8 về việc cung cấp thông tin chủ tài khoản số 19032651968011, đến nay chưa nhận được kết quả trả lời.

Ngọc A khai nhận đối với 03 hoá đơn nêu trên, Ngọc A thu lợi bất chính tổng số tiền 1.436.000 đồng.

11. Công Ty Cổ Phần A5 (MST: 0400228640)

Ngọc A xuất bán cho đơn vị 02 tờ hóa đơn (số 279 ký hiệu 1C23TAA ngày 13/9/2023, số 451 ký hiệu 1C23TAA ngày 10/10/2023, tổng giá trị bao gồm thuế của 02 tờ hóa đơn là 19.246.980 đồng). Ông Mai Duy N3 (sinh năm 1992; trú: 129 C, phường K, quận C - Nhân viên phòng kế hoạch đầu tư) đã mua 02 hóa đơn trên thông qua Lê Thị Thu N15 (sinh năm 1992; HKTT: 39 N, TP Đà Nẵng – Nhân viên nhà hàng H46 đường Đ, TP Đà Nẵng) với tổng mức phí 956.000 đồng. Lê Thị Thu N15 liên hệ

trực tiếp Nguyễn Thị Ngọc A để mua 02 tờ hóa đơn nêu trên với mức phí 1.526.000 đồng. Sau đó, N3 đã mang hóa đơn về thanh toán. Tại thời điểm thanh toán, bộ phận kế toán đã kiểm tra tính pháp lý các hóa đơn thông qua kiểm tra thông tin công ty trên trang chủ cổng thông tin T65 xác nhận hợp lệ nên đã kê khai thuế. Sau đó, do các tờ hóa đơn nêu trên Công ty cổ phần A5 đã hủy trên hệ thống nên đơn vị phát hiện rủi ro về thuế đã khai lại thuế, xuất toán đối với tờ hóa đơn nêu trên, yêu cầu N3 nộp lại số tiền đã thanh toán.

Ngọc A khai nhận đối với 03 hoá đơn nêu trên, Ngọc A thu lợi bất chính tổng số tiền 1.526.000 đồng.

12. Công ty A5 (MST: 0300446973-003)

Ngọc A xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số 505 ký hiệu C23TAA ngày 15/10/2023, giá trị hóa đơn đã bao gồm thuế là 4.980.240 đồng). Bà Võ Thị Bích P4 (sinh năm 1988; trú: I L, phường K, quận C - Nhân viên kinh doanh phòng tài sản, kỹ thuật) đã mua trực tiếp tại nhà hàng A8 với mức phí 392.000 đồng. P4 khai nhận không nhớ đặc điểm kế toán, giao tiền mặt nhận hóa đơn giấy. Nhưng sau đó P4 không mang hóa đơn trên về thanh toán cho công ty mà hủy bỏ.

Ngoài ra, Ngọc A còn khai đã bán cho Công ty A5 01 hóa đơn số 645 ký hiệu C23TAA ngày 25/10/2023 nhưng thực tế công ty không sử dụng hóa đơn trên để kê khai thuế, không biết nguồn gốc của tờ hóa đơn trên.

Ngọc A khai nhận đối với 01 hoá đơn nêu trên, Ngọc A thu lợi bất chính tổng số tiền 392.000 đồng.

Như vậy, đối với 12 đơn vị trên, quá trình điều tra đã chứng minh được Nguyễn Thị Ngọc A đã bán tổng cộng 47 hóa đơn, thu lợi bất chính tổng số tiền 22.586.520 đồng. Đối với 49 hóa đơn Ngọc A đã khai bán cho 12 đơn vị trên nhưng quá trình điều tra không chứng minh được người mua nên không có căn cứ để xử lý.

Ngoài ra, Nguyễn Thị Ngọc A còn khai đã bán cho 99 đơn vị với tổng số 362 hóa đơn, tuy nhiên, quá trình điều tra không chứng minh được 99 đơn vị đã mua hóa đơn của Ngọc A, cụ thể như sau:

II. Các đơn vị Cơ quan CSĐT Công an quận S đã trực tiếp lấy lời khai nhưng các đơn vị không thừa nhận việc mua hoá đơn của Ngọc A, cụ thể:

1. Công Ty A5 (MST: 0100931299-006)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 18 tờ hóa đơn. Tuy nhiên có 03 hóa đơn (số 587 ký hiệu 1C23TAM ngày 23/7/2023; số 09 ký hiệu 1C23TAA ngày 27/7/2023; số 695 ký hiệu 1C23TAA ngày 28/10/2023) đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 03 hóa đơn này. 15 hóa đơn còn lại do các cá nhân thực tế có sử dụng dịch vụ tại Công ty Cổ phần A5, lấy hóa đơn và mang về cho đơn vị thanh toán theo đúng quy trình, cụ thể:

- Nguyễn Thị P7 (sinh năm 1998; trú: T, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam - Nhân viên phòng K6) đề nghị thanh toán 06 hóa đơn (số 572 ký hiệu 1C23TAM ngày 20/7/2023; số 55 ký hiệu 1C23TAA ngày 04/8/2023; số 78 ký hiệu 1C23TAA ngày 09/8/2023; số 118 ký hiệu 1C23TAA ngày 15/8/2023; số 152 ký hiệu 1C23TAA ngày 22/8/2023; số 226 ký hiệu 1C23TAA ngày 04/9/2023).

- Lê Thị Diễm T21 (sinh năm 1985; trú: Khối phố N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam - Nhân viên phòng K6) đề nghị thanh toán 08 hóa đơn (số 612 ký hiệu 1C23TAM ngày 25/7/2023; số 45 ký hiệu 1C23TAA ngày 02/8/2023; số 99 ký hiệu 1C23TAA ngày 12/8/2023; số 135 ký hiệu 1C23TAA ngày 18/8/2023; số 176 ký hiệu 1C23TAA ngày 25/8/2023; số 181 ký hiệu 1C23TAA ngày 27/8/2023; số 203 ký hiệu 1C23TAA ngày 30/8/2023; số 217 ký hiệu 1C23TAA ngày 02/8/2023).

Sau khi chị P7 và T21 mang 14 hóa đơn trên về thanh toán, phòng kế toán hành chính đã kiểm tra tính pháp lý hóa đơn thông qua kiểm tra thông tin công ty trên trang chủ cổng thông tin T65 xác nhận hợp lệ nên đã kê khai thuế. Sau đó, do 14 tờ hóa đơn nêu trên Công ty cổ phần A5 đã hủy trên hệ thống nên đơn vị phát hiện rủi ro về thuế đã khai lại thuế, xuất toán đối với 14 tờ hóa đơn nêu trên, các cá nhân trên đã nộp lại cho đơn vị số tiền các hóa đơn đã thanh toán nêu trên.

Ngài ra, Cao Xuân T22 (sinh năm; trú: tổ C, phường H quận L - Phó phòng kinh doanh) có tiếp khách thực tế tại nhà hàng A8= M, thanh toán tiền mặt chờ lấy hóa đơn giấy có nhận hóa đơn số 566 ký hiệu 1C23TAA ngày 20/10/2023. Nhưng T22 đã bỏ, không sử dụng tờ hóa đơn trên để đơn vị thanh toán lại.

2. Công Ty A5 (MST: 0100110768-002):

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 24 tờ hóa đơn. Tuy nhiên có 02 hóa đơn (số 580 ký hiệu 1C23TAA ngày 21/10/2023, số 701 ký hiệu 1C23TAA ngày 28/10/2023) đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 02 hóa đơn này. 22 hóa đơn còn lại do các cá nhân thực tế có sử dụng dịch vụ tại Công ty Cổ phần A5, lấy hóa đơn và mang về cho đơn vị thanh toán theo đúng quy trình, cụ thể:

- Lê Thị Thanh T17 (sinh năm 1981; trú: A B, phường H, quận C - Trưởng phòng tổ chức, tổng hợp) đề nghị thanh toán 04 hóa đơn (số 594 ký hiệu 1C23TAM ngày 23/7/2023, số 29 ký hiệu 1C23TAA ngày 30/7/2023, số 110 ký hiệu 1C23TAA ngày 14/8/2023, số 198 ký hiệu 1C23TAA ngày 29/8/2023).

- Dương Hồng A2 (sinh năm 1976; trú: K Hải Phòng, phường C, quận T - Trưởng phòng bảo hiểm hàng hải) đề nghị thanh toán 01 hóa đơn (số 405 ký hiệu 1C23TAA ngày 05/10/2023).

- Phạm M2 (sinh năm 1989; trú: P lô B chung cư X, phường H, quận L - Nhân viên phòng tổ chức - tổng hợp) đề nghị thanh toán 02 hóa đơn (số 44 ký hiệu 1C23TAA ngày 02/8/2023, số 237 ký hiệu 1C23TAA ngày 06/9/2023).

- Bùi Thị Hồng L4 (sinh năm 1983; trú: 01 Phòng B, phường H, quận C - Nhân viên phòng tổ chức - tổng hợp) đề nghị thanh toán 03 hóa đơn (số 577 ký hiệu 1C23TAM ngày 21/7/2023, số 79 ký hiệu 1C23TAA ngày 09/8/2023, số 145 ký hiệu 1C23TAA ngày 20/8/2023).

- Nguyễn Phú C3 (sinh năm 1972; tổ C, phường T, quận H - chuyên viên phòng tài sản kỹ thuật) đề nghị thanh toán 05 hóa đơn (số 611 ký hiệu 1C23TAM ngày 21/7/2023, số 129 ký hiệu 1C23TAA ngày 17/8/2023, số 221 ký hiệu 1C23TAA ngày 03/9/2023, số 276 ký hiệu 1C23TAA ngày 12/9/2023, số 347 ký hiệu 1C23TAA ngày 25/9/2023).

- Lê Thị Thúy T19 (sinh năm 1996; trú: A H, phường H, quận L - chuyên viên phòng tài sản kỹ thuật) đề nghị thanh toán 01 hóa đơn (số 98 ký hiệu 1C23TAA ngày 12/8/2023).

- Phan Quang Đ1 (sinh năm 1984; trú: K N, phường P, quận H - trưởng phòng Tài sản kỹ thuật) đề nghị thanh toán 05 hóa đơn (số 178 ký hiệu 1C23TAA ngày 26/8/2023; số 256 ký hiệu 1C23TAA ngày 09/9/2023; số 293 ký hiệu 1C23TAA ngày 15/9/2023; số 312 ký hiệu 1C23TAA ngày 20/9/2023; số 501 ký hiệu 1C23TAA ngày 14/10/2023).

- Trần Thị Thu H6 (sinh năm 1984; trú: 42 T, phường H, quận C - nhân viên phòng bảo hiểm tài sản) đề nghị thanh toán 01 hóa đơn (số 164 ký hiệu 1C23TAA ngày 23/8/2023).

Tại thời điểm thanh toán, kế toán công ty đã kiểm tra tính pháp lý hóa đơn thông qua kiểm tra thông tin công ty trên trang chủ cổng thông tin T65 xác nhận hợp lệ nên đã kê khai thuế. Sau đó, do 22 tờ hóa đơn nêu trên Công ty cổ phần A5 đã hủy trên hệ thống nên đơn vị phát hiện rủi ro về thuế đã khai lại thuế, xuất toán đối với 22 tờ hóa đơn nêu trên, các cá nhân trên đã nộp lại cho đơn vị số tiền các hóa đơn đã thanh toán nêu trên.

3. Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn A5 (MST: 3300100025):

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 12 tờ hóa đơn (số 10 ký hiệu 1C23TAA ngày 27/7/2023; số 22 ký hiệu 1C23TAA ngày 29/7/2023; số 60 ký hiệu 1C23TAA ngày 06/8/2023; số 86 ký hiệu 1C23TAA ngày 10/8/2023; số 100 ký hiệu 1C23TAA ngày 12/8/2023; số 144 ký hiệu 1C23TAA ngày 20/8/2023; số 155 ký hiệu 1C23TAA ngày 22/8/2023; số 180 ký hiệu 1C23TAA ngày 27/8/2023; số 216 ký hiệu 1C23TAA ngày 02/9/2023; số 241 ký hiệu 1C23TAA ngày 07/9/2023; số 275 ký hiệu 1C23TAA ngày 12/9/2023; số 291 ký hiệu 1C23TAA ngày 15/9/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 12 hóa đơn này..

4. Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần C6 - Chi Nhánh Đ6 (MST: 0100111948-137):

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 16 tờ hóa đơn. Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 02 hóa đơn (số 682 ký hiệu 1C23TAA ngày 27/10/2023; số 719 ký hiệu 1C23TAA ngày 29/10/2023). 14 hóa đơn còn lại do các cá nhân thực tế có sử dụng dịch vụ tại Công ty Cổ phần A5, lấy hóa đơn và mang về cho đơn vị thanh toán theo đúng quy trình, cụ thể:

- Đường Thị Xuân T54 (sinh năm 1990; trú: D L, phường H, quận L – phó phòng G2) đề nghị thanh toán 03 hóa đơn (số 101 ký hiệu 1C23TAA ngày 13/8/2023, số 140 ký hiệu 1C23TAA ngày 19/8/2023, số 166 ký hiệu 1C23TAA ngày 24/8/2023).

- Nguyễn Trùng K (sinh năm 1991; trú: tổ E, phường K, quận C - nhân viên phòng tổ chức hành chính) đề nghị thanh toán 05 hóa đơn (số 36 ngày 01/8/2023 ký hiệu 1C23TAA; số 53 ngày 04/8/2023, ký hiệu 1C23TAA; số 76 ngày 09/8/2023 ký hiệu 1C23TAA; số 83 ngày 10/8/2023 ký hiệu 1C23TAA; số 112 ngày 15/8/2023 ký hiệu 1C23TAA).

- Lê Trọng P8 (sinh năm 1969; trú: 1 L, quận H - nhân viên phòng tổ chức hành chính) đề nghị thanh toán 01 hóa đơn (số 452 ngày 10/10/2023 ký hiệu 1C23TAA).

- Trần Thị Anh Đ2 (sinh năm 1977; trú: 16 H, phường H, quận H - Nhân viên phòng Tổ chức hành chính) đề nghị thanh toán 05 hóa đơn (số 48 ngày 03/8/2023 ký hiệu 1C23TAA; số 63 ngày 07/8/2023, ký hiệu 1C23TAA; số 109 ngày 14/8/2023 ký hiệu 1C23TAA; số 123 ngày 17/8/2023 ký hiệu 1C23TAA; số 602 ngày 23/10/2023 ký hiệu 1C23TAA).

Tại thời điểm thanh toán, kế toán công ty đã kiểm tra tính pháp lý hóa đơn thông qua kiểm tra thông tin công ty trên trang chủ cổng thông tin T65 xác nhận hợp lệ nên đã kê khai thuế. Sau đó, do 14 tờ hóa đơn nêu trên Công ty cổ phần A5 đã hủy trên hệ thống nên đơn vị phát hiện rủi ro về thuế đã khai lại thuế, xuất toán đối với 14 tờ hóa đơn nêu trên, các cá nhân trên đã nộp lại cho đơn vị số tiền các hóa đơn đã thanh toán nêu trên.

5. Tổng Công Ty Cổ Phần C6 (MST: 0101335193):

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 15 tờ hóa đơn (số 065 ký hiệu C23TAA ngày 07/08/2023; số 042 ký hiệu C23TAA ngày 02/08/2023; số 092 ký hiệu C23TAA ngày 11/08/2023; số 104 ký hiệu C23TAA ngày 13/02/2023; số 163 ký hiệu C23TAA ngày 23/08/2023; số 201 số ký hiệu C23TAA ngày 30/08/2023; số 249 ký hiệu C23TAA ngày 08/09/2023; số 263 ký hiệu C23TAA ngày 11/09/2023; số 298 ký hiệu C23TAA ngày 17/09/2023; số 320 ký hiệu C23TAA ngày 21/09/2023; số 358 ký hiệu C23TAA ngày 28/09/2023; số 406 ký hiệu C23TAA ngày 05/10/2023; số 523 ký hiệu C23TAA ngày 16/10/2023; số 570 ký hiệu C23TAA ngày 20/10/2023; số 712 ký hiệu C23TAA ngày 28/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 15 hóa đơn này.

6. Tổng Công Ty Cổ Phần B10 - Công Ty A5 (MST: 0102385623-056)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 15 tờ hóa đơn (số 239 ký hiệu 1C23TAA ngày 07/09/2023; số 267 ký hiệu 1C23TAA ngày 12/09/2023; số 288 ký hiệu 1C23TAA ngày 14/09/2023; số 299 ký hiệu 1C23TAA ngày 18/09/2023; số 257 ký hiệu 1C23TAA ngày 10/09/2023; số 302 ký hiệu 1C23TAA ngày 19/09/2023; số 381 ký hiệu 1C23TAA ngày 02/10/2023; số 453 ký hiệu 1C23TAA ngày 10/10/2023; số 472 ký hiệu 1C23TAA ngày 12/10/2023; số 498 ký hiệu 1C23TAA ngày 14/10/2023; số 532 ký hiệu 1C23TAA ngày 17/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 15 hóa đơn này.

7. Công ty Cổ phần A5 (MST: 0400259705)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 36 tờ hóa đơn số hoá đơn. Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 02 hóa đơn (số 185 ký hiệu 1C23TAA ngày 27/8/2023; số 695 ký hiệu 1C23TAA ngày 28/10/2023). 34 hóa đơn còn lại do các cá nhân thực tế có sử dụng dịch vụ tại Công ty Cổ phần A5, lấy hóa đơn và mang về cho đơn vị thanh toán theo đúng quy trình, cụ thể:

- Nguyễn Thị Kim T12 (sinh năm 1990; trú: K Hải Phòng, phường T, quận T – nhân viên phòng Tổ chức hành chính) đề nghị thanh toán 02 hóa đơn (số 559 ký hiệu C23TAA ngày 18/07/2023 và số 502 ký hiệu C23TAA ngày 14/10/2023).

- Trần Thị M1 (sinh năm 1969; trú: tổ H, phường A, quận T - nhân viên phòng Tổ chức hành chính) đề nghị thanh toán 05 hoá đơn (số 575 ký hiệu C23TAA ngày 21/07/2023; số 011 ký hiệu C23TAA ngày 27/07/2023; số 191 ký hiệu C23TAA ngày 28/08/2023; số 223 ký hiệu C23TAA ngày 03/09/2023; số 508 ký hiệu C23TAA ngày 15/10/2023).

- Nguyễn Việt C2 (sinh năm 1967; trú: B C, phường A, quận T – phó phòng tổ chức hành chính) đề nghị thanh toán 04 hoá đơn (số 615 ký hiệu C23TAA ngày 25/07/2023; số 024 ký hiệu C23TAA ngày 29/07/2023; số 141 ký hiệu C23TAA ngày 19/08/2023; số 193 ký hiệu C23TAA ngày 28/08/2023).

- Nguyễn Song Thảo V (sinh năm 1991; trú: tổ A, phường H, quận T – nhân viên phòng Tổ chức hành chính) đề nghị thanh toán 04 hoá đơn (số 590 ký hiệu C23TAA ngày 23/07/2023; số 177 ký hiệu C23TAA ngày 26/08/2023; số 227 ký hiệu C23TAA ngày 04/09/2023; số 553 ký hiệu C23TAA ngày 18/10/2023).

- Tạ Nam Q4 (sinh năm 1988; trú: tổ D, phường T, quận T – nhân viên phòng Kế hoạch kinh doanh) đề nghị thanh toán 02 hoá đơn (số 043 ký hiệu C23TAA ngày 02/08/2023; số 404 ký hiệu C23TAA ngày 05/10/2023).

- Võ Thị Hồng L3 (sinh năm 1974; trú: K Ông Í, phường T, quận T - nhân viên phòng Kế hoạch) đề nghị thanh toán 03 hoá đơn (số 056 ký hiệu C23TAA ngày 04/08/2023; số 259 ký hiệu C23TAA ngày 10/09/2023; số 421 ký hiệu C23TAA ngày 07/10/2023).

- Phạm Văn T13 (sinh năm 1969; trú: K Dũng Sĩ T, phường T, quận T - nhân viên phòng Tổ chức hành chính) đề nghị thanh toán 02 hoá đơn (số 111 ký hiệu C23TAA ngày 14/08/2023; số 122 ký hiệu C23TAA ngày 17/08/2023).

- Nguyễn Đức T14 (sinh năm 1979; trú: F C, phường H, quận L – nhân viên phòng Tổ chức hành chính) đề nghị thanh toán 03 hoá đơn (số 165 ký hiệu C23TAA ngày 23/08/2023; số 204 ký hiệu C23TAA ngày 30/08/2023; số 571 ký hiệu C23TAA ngày 20/10/2023).

- Nguyễn Văn T15 (sinh năm 1975; trú: tổ E, phường X, quận T – nhân viên phòng Tổ chức hành chính) đề nghị thanh toán 04 hoá đơn (số 091 ký hiệu C23TAA ngày 11/08/2023; số 150 ký hiệu C23TAA ngày 21/08/2023; số 219 ký hiệu C23TAA ngày 02/09/2023; số 718 ký hiệu C23TAA ngày 29/10/2023).

- Bùi Phương T16 (sinh năm 1996; trú: K T, phường H, quận T – nhân viên phòng Kế hoạch) đề nghị thanh toán 01 hoá đơn (số 250 ký hiệu C23TAA ngày 08/09/2023).

- Ngô Trần Đức N5 (sinh năm 1993; trú: khối phố N, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam – nhân viên phòng Kế hoạch kinh doanh) đề nghị thanh toán 01 hoá đơn (số 243 ký hiệu C23TAA ngày 07/09/2023).

- Võ Văn V1 (sinh năm 1970; trú: số D T, phường K, quận C - nhân viên phòng Tổ chức hành chính) đề nghị thanh toán 01 hoá đơn (số 360 ký hiệu C23TAA ngày 28/09/2023).

- Nguyễn Tiến N6 (sinh năm 1991; trú: A H, phường C, quận T - nhân viên phòng Kế hoạch) đề nghị thanh toán 01 hóa đơn (số 238 ký hiệu C23TAA ngày 06/09/2023).

- Đỗ Đức V2 (sinh năm 1991; trú: tổ D, phường H, quận C - nhân viên phòng Kế hoạch kinh doanh) đề nghị thanh toán 01 hóa đơn (số 578 ký hiệu C23TAA ngày 21/10/2023).

Tại thời điểm thanh toán, kế toán công ty đã kiểm tra tính pháp lý hóa đơn thông qua kiểm tra thông tin công ty trên trang chủ cổng thông tin T65 xác nhận hợp lệ nên đã kê khai thuế. Sau đó, do 34 tờ hóa đơn nêu trên Công ty cổ phần A5 đã hủy trên hệ thống nên đơn vị phát hiện rủi ro về thuế đã khai lại thuế, xuất toán đối với 34 tờ hóa đơn nêu trên, các cá nhân trên đã tự nguyện nộp lại cho đơn vị số tiền các hóa đơn đã thanh toán nêu trên.

8. Nhà máy A32

Ngọc Anh khai xuất bán cho đơn vị 08 tờ hóa đơn (số 567 ký hiệu C23TAA ngày 20/10/2023; số 554 ký hiệu C23TAA ngày 19/10/2023; số 530 ký hiệu C23TAA ngày 17/10/2023; số 509 ký hiệu C23TAA ngày 16/10/2023; số 479 ký hiệu C23TAA ngày 12/10/2023; số 441 ký hiệu C23TAA ngày 09/10/2023; số 407 ký hiệu C23TAA

ngày 06/10/2023; số 391 ký hiệu C23TAA ngày 04/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 08 hóa đơn này.

9. Chi nhánh Công ty Cổ phần A5 tại Đà Nẵng (MST: 2500228415-011)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 06 tờ hóa đơn (số 721 ký hiệu C23TAA ngày 29/10/2023; số 675 ký hiệu C23TAA ngày 27/10/2023; số 596 ký hiệu C23TAA ngày 23/10/2023; số 569 ký hiệu C23TAA ngày 20/10/2023; số 538 ký hiệu C23TAA ngày 17/10/2023; số 447 ký hiệu C23TAA ngày 10/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 06 hóa đơn này..

10. Công ty Cổ phần A5 (MST: 0401463358)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 04 tờ hóa đơn (số 662 ký hiệu C23TAA ngày 26/10/2023; số 574 ký hiệu C23TAA ngày 21/10/2023; số 536 ký hiệu C23TAA ngày 17/10/2023; số 535 ký hiệu C23TAA ngày 17/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 15 hóa đơn này..

11. Công ty TNHH T59 (MST: 0401310979)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số 709 ký hiệu C23TAA ngày 28/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 01 hóa đơn này..

12. Ngân Hàng TMCP N17 - Chi Nhánh Đ6 (MST: 0100112437-003)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số 595 ký hiệu C23TAA ngày 23/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 15 hóa đơn này..

13. Công Ty Cổ Phần A5 (MST: 0400476650)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn số 700 ký hiệu C23TAA ngày 28/10/2023. Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 01 hóa đơn này.

14. Chi nhánh Đ6 – Tổng công ty A5 (MST: 0101463614-003)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 02 tờ hoá đơn (số 725 ký hiệu C23TAA ngày 29/10/2023; số 625 ký hiệu C23TAA ngày 25/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 02 hóa đơn này.

15. Công ty TNHH một thành viên A5 (MST: 0100105535-012)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 03 tờ hóa đơn (số 492 ký hiệu C23TAA ngày 14/10/2023; số 488 ký hiệu C23TAA ngày 13/10/2023; số 474 ký hiệu C23TAA ngày 12/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 03 hóa đơn này.

16. Công đoàn Công ty TNHH một thành viên A5 thành Công đoàn Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng

Ngọc Anh khai xuất bán cho đơn vị 03 tờ hóa đơn (số 674 ký hiệu C23TAA ngày 27/10/2023, số 621 ký hiệu C23TAA ngày 24/10/2023, số 603 ký hiệu C23TAA

ngày 23/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 03 hóa đơn này.

17. Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội quận Cẩm Lệ

Ngọc Anh khai xuất bán cho đơn vị 02 tờ hóa đơn (số 606 ký hiệu C23TAA ngày 23/10/2023; số 482 ký hiệu C23TAA ngày 13/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 02 hóa đơn này.

18. Công ty Cổ phần A5 (MST: 4000455251)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 03 tờ hóa đơn (số 615 ký hiệu C23TAA ngày 24/10/2023; số 548 ký hiệu C23TAA ngày 18/10/2023; số 514 ký hiệu C23TAA ngày 16/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 03 hóa đơn này.

19. Công ty A5 (MST: 0304422444-011)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 03 tờ hóa đơn (số 669 ký hiệu C23TAA ngày 26/10/2023, số 589 ký hiệu C23TAA ngày 23/10/2023, số 493 ký hiệu C23TAA ngày 14/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 03 hóa đơn này.

20. Công ty Cổ phần A5 (MST: 0400568767)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 04 tờ hóa đơn (số 642 ký hiệu C23TAA ngày 25/10/2023; số 345 ký hiệu C23TAA ngày 25/09/2023; số 319 ký hiệu C23TAA ngày 21/09/2023; số 313 ký hiệu C23TAA ngày 20/09/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 04 hóa đơn này.

21. Chi nhánh Công ty CP A5 tại Đà Nẵng (MST: 4100259564-016)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 04 tờ hóa đơn (số 702 ký hiệu C23TAA ngày 28/10/2023; số 666 ký hiệu C23TAA ngày 26/10/2023; số 629 ký hiệu C23TAA ngày 24/10/2023; số 604 ký hiệu C23TAA ngày 23/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 04 hóa đơn này.

22. Chi nhánh Công ty TNHH MTV A5 sáng và thiết bị đô thị tại TP Đà Nẵng (MST: 0100106024-008)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số 651 ký hiệu C23TAA ngày 25/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 01 hóa đơn này.

23. Công ty A5 (MST: 0100101072-004)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 04 tờ hóa đơn (số 714 ký hiệu C23TAA ngày 29/10/2023; số 689 ký hiệu C23TAA ngày 27/10/2023; số 660 ký hiệu C23TAA ngày 26/10/2023; số 630 ký hiệu C23TAA ngày 24/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 04 hóa đơn này.

24. Công ty Cổ phần A5 (MST: 0402126997)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 02 tờ hóa đơn (số 703 ký hiệu C23TAA ngày 28/10/2023; số 654 ký hiệu C23TAA ngày 25/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 02 hóa đơn này.

25. Ngân hàng B11 (MST: 0100150619-080)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 03 tờ hóa đơn (số 561 ký hiệu C23TAA ngày 20/10/2023; số 496 ký hiệu C23TAA ngày 14/10/2023; số 409 ký hiệu C23TAA ngày 06/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 03 hóa đơn này

26. Ban Q8 (MST: Không có)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 02 tờ hóa đơn (số 618 ký hiệu C23TAA ngày 24/10/2023; số 495 ký hiệu C23TAA ngày 14/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 02 hóa đơn này.

27. Ban Q8 (G)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số 598 ký hiệu C23TAA ngày 23/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 01 hóa đơn này.

28. Bệnh Viện Q10- Cục H47 (MST: 0401551036)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số 723 ký hiệu C23TAA ngày 29/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 01 hóa đơn này.

29. Kho Kỹ Thuật K54 - Cục Kỹ Thuật Quân Khu 5

Ngọc Anh khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số 208 ký hiệu C23TAA ngày 31/08/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 01 hóa đơn này.

30. Chi Nhánh Công Ty TNHH Một Thành Viên A5 - Bộ Q11 (MST: 0100726275-002)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số 394 ký hiệu C23TAA ngày 04/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 01 hóa đơn này.

31. Văn phòng C9 (MST: 0400683826)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 02 tờ hóa đơn (số 661 ký hiệu C23TAA ngày 26/10/2023; số 559 ký hiệu C23TAA ngày 19/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 02 hóa đơn này.

32. Ban Q12 (MST: 0400101394-025)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 02 tờ hóa đơn (số 540 ký hiệu C23TAA ngày 17/10/2023; số 457 ký hiệu C23TAA ngày 10/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 02 hóa đơn này.

33. Ngân hàng liên doanh V16 – Chi nhánh Đ6 (MST: 0102100878-003)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số 623 ký hiệu C23TAA ngày 24/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 01 hóa đơn này.

34. Công ty thủy điện Sông Tranh

Ngọc Anh khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số 581 ký hiệu C23TAA ngày 21/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 01 hóa đơn này.

35. Công đoàn Tổng Công ty Điện lực Miền Trung

Ngọc Anh khai xuất bán cho đơn vị 03 tờ hóa đơn (số 625 ký hiệu C23TAA ngày 24/10/2023; số 624 ký hiệu C23TAA ngày 24/10/2023; số 408 ký hiệu C23TAA ngày 06/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 03 hóa đơn này.

36. Bảo hiểm xã hội thành phố Đ (MST: 0401139009)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 02 tờ hóa đơn (số 694 ký hiệu C23TAA ngày 28/10/2023; số 470 ký hiệu C23TAA ngày 12/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 02 hóa đơn này.

37. Công ty Cổ phần A5 (MST: 0400477830)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số 520 ký hiệu C23TAA ngày 16/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 01 hóa đơn này.

38. Sở y tế thành phố Đ (MST: 0400260612)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số 679 ký hiệu C23TAA ngày 29/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 01 hóa đơn này.

39. Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Đ (MST: 0400260108)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 02 tờ hóa đơn (số 558 ký hiệu C23TAA ngày 19/10/2023; số 484 ký hiệu C23TAA ngày 13/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 02 hóa đơn này.

40. Ngân hàng N20 – Chi nhánh thành phố Đ6 (MST: 0400727174)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 02 tờ hóa đơn (số 691 ký hiệu C23TAA ngày 27/10/2023; số 552 ký hiệu C23TAA ngày 18/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 02 hóa đơn này.

41. Công ty TNHH MTV A5 (MST: 0401799622)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số 528 ký hiệu C23TAA ngày 17/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 01 hóa đơn này.

42. Ban Quản lý dự án các công trình điện M (MST: 0102743068-002)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 05 tờ hóa đơn. Tuy nhiên, thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 02 hóa đơn (số 659 ký hiệu C23TAA ngày 26/10/2023, số 680 ký hiệu C23TAA ngày 27/10/2023). 03 hóa đơn còn lại do các cá nhân thực tế có sử dụng dịch vụ tại Công ty Cổ phần A5, lấy hóa đơn và mang về cho đơn vị thanh toán theo đúng quy trình, cụ thể:

- Phan Thị H35 (Nhân viên phòng tổng hợp) đề nghị thanh toán 02 hóa đơn (số 665 ký hiệu C23TAA ngày 26/10/2023; số 563 ký hiệu C23TAA ngày 20/10/2023).

- Khương Thị Thanh H36 (Nhân viên phòng Tổng hợp) đề nghị thanh toán 01 hóa đơn (số 556 ký hiệu C23TAA ngày 19/10/2023).

Tại thời điểm thanh toán, kế toán công ty đã kiểm tra tính pháp lý hóa đơn thông qua kiểm tra thông tin công ty trên trang chủ cổng thông tin T65 xác nhận hợp lệ nên đã kê khai thuế. Sau đó, do 03 tờ hóa đơn nêu trên Công ty cổ phần A5 đã hủy trên hệ thống nên đơn vị phát hiện rủi ro về thuế đã khai lại thuế, xuất toán đối với 03 tờ hóa đơn nêu trên, các cá nhân trên đã tự nguyện nộp lại cho đơn vị số tiền các hóa đơn đã thanh toán nêu trên.

43. Ngân hàng thương mại cổ phần Q9 (MST: 0100283873)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 04 tờ hóa đơn. Tuy nhiên, thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 02 hóa đơn (số 664 ký hiệu C23TAA ngày 26/10/2023; số 521 ký hiệu C23TAA ngày 16/10/2023). 02 hóa đơn (số 640 ký hiệu C23TAA ngày 25/10/2023; số 591 ký hiệu C23TAA ngày 23/10/2023) do bà Nguyễn Thị Huỳnh N9 (sinh năm 1986; trú tổ H, phường H, quận C – Giám đốc dịch vụ M12 thực tế có sử dụng dịch vụ tại Công ty Cổ phần A5, lấy hóa đơn và mang về cho đơn vị thanh toán theo đúng quy trình.

Tại thời điểm thanh toán, kế toán công ty đã kiểm tra tính pháp lý hóa đơn thông qua kiểm tra thông tin công ty trên trang chủ cổng thông tin T65 xác nhận hợp lệ nên đã kê khai thuế. M12 đã làm thủ tục nộp lại tiền để tổng công ty xuất toán đối với 02 hóa đơn trên.

44. Công ty A5 (MST: 0102385623-005)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 06 tờ hóa đơn. Tuy nhiên, thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 05 hóa đơn (số 656 ký hiệu C23TAA ngày 26/10/2023; số 560 ký hiệu C23TAA ngày 19/10/2023; số 545 ký hiệu C23TAA ngày 18/09/2023; số 543 ký hiệu C23TAA ngày 18/10/2023; số 399 ký hiệu C23TAA ngày 05/10/2023). 01 hóa đơn (số 051 ký hiệu C23TAA ngày 03/08/2023) do bà Chế Thị Linh P11 (sinh năm 1971; trú: A T, phường M, quận N - Trưởng phòng kinh doanh 2 – Công ty A5) thực tế có sử dụng dịch vụ tại Công ty Cổ phần A5, lấy hóa đơn và mang về cho đơn vị thanh toán theo đúng quy trình.

Tại thời điểm thanh toán, kế toán công ty đã kiểm tra tính pháp lý hóa đơn thông qua kiểm tra thông tin công ty trên trang chủ cổng thông tin T65 xác nhận hợp lệ nên đã kê khai thuế đối với tờ hóa đơn nêu trên.

45. Công ty Cổ phần A5 (I Y, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng (MST: 0400999731)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 04 tờ hóa đơn. Tuy nhiên, thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 01 hóa đơn (số 655 ký hiệu C23TAA ngày 26/10/2023). Đối với 04 hóa đơn còn lại do các cá nhân thực tế có sử dụng dịch vụ tại Công ty Cổ phần A5, lấy hóa đơn và mang về cho đơn vị thanh toán theo đúng quy trình, cụ thể:

- Nguyễn Quang N14 (sinh năm 1998; trú: 15 T - Nhân viên phòng K10) đề nghị thanh toán 01 hóa đơn (số 726 ký hiệu C23TAA ngày 29/10/2023).

- Đào Bùi Đoan T55 (sinh năm 1988; trú: tổ D, phường H, quận L - Nhân viên phòng kinh doanh vận tải) đề nghị thanh toán 01 hóa đơn (số 415 ký hiệu C23TAA ngày 07/10/2023).

- Nguyễn Thị Hiệp H39 (sinh năm 1994; trú: K P, quận H - Nhân viên phòng kinh doanh kho) đề nghị thanh toán 01 hóa đơn (số 402 ký hiệu C23TAA ngày 05/10/2023).

- Đặng Thị Hải Y1 (sinh năm 1981; trú: I T, phường A, quận S - Nhân viên phòng kinh doanh kho) đề nghị thanh toán 01 hóa đơn (số 655 ký hiệu C23TAA ngày 26/10/2023).

Tại thời điểm thanh toán, kế toán công ty đã kiểm tra tính pháp lý hóa đơn thông qua kiểm tra thông tin công ty trên trang chủ cổng thông tin T65 xác nhận hợp lệ nên đã kê khai thuế.

46. Công ty A5 – Chi nhánh Tổng Công ty Đ8 (M13: 0400101394-031)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số 533 ký hiệu C23TAA ngày 17/10/2023). Tuy nhiên hóa đơn trên do ông Hoàng Trung A3 (sinh năm 1991; trú: F N, phường H, quận N - Kỹ sư phòng khảo sát địa hình) thực tế có sử dụng dịch vụ tại Công ty Cổ phần A5, lấy hóa đơn và mang về cho đơn vị thanh toán theo đúng quy trình.

Tại thời điểm thanh toán, kế toán công ty đã kiểm tra tính pháp lý hóa đơn thông qua kiểm tra thông tin công ty trên trang chủ cổng thông tin T65 xác nhận hợp lệ nên đã kê khai thuế đối với tờ hóa đơn nêu trên.

47. Công ty Cổ phần A5 (MST: 0400267431)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số 557 ký hiệu C23TAA ngày 19/10/2023). Tuy nhiên hóa đơn trên do ông Nguyễn Đình H17 (sinh năm 1968; trú: I L, phường H, quận L - Nhân viên Phòng Kinh doanh) thực tế có sử dụng dịch vụ tại Công ty Cổ phần A5, lấy hóa đơn và mang về cho đơn vị thanh toán theo đúng quy trình.

Tại thời điểm thanh toán, kế toán công ty đã kiểm tra tính pháp lý hóa đơn thông qua kiểm tra thông tin công ty trên trang chủ cổng thông tin T65 xác nhận hợp lệ nên đã kê khai thuế đối với tờ hóa đơn nêu trên.

4.48. Công ty T60 (MST: 1800590430-007)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 02 tờ hóa đơn. Tuy nhiên, thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 01 hóa đơn (số 572 ký hiệu C23TAA

ngày 20/10/2023). Đối với 01 hóa đơn (số 458 ký hiệu C23TAA ngày 10/10/2023) do bà Hồ Thị Mỹ D6 (sinh năm 1985; trú: C L, phường K, quận C - Nhân viên phòng hành chính lao động) có sử dụng dịch vụ thực tế tại Công ty Cổ phần A5, lấy hóa đơn và mang về cho đơn vị thanh toán theo đúng quy trình.

Tại thời điểm thanh toán, kế toán công ty đã kiểm tra tính pháp lý hóa đơn thông qua kiểm tra thông tin công ty trên trang chủ cổng thông tin T65 xác nhận hợp lệ nên đã kê khai thuế đối với tờ hóa đơn nêu trên.

49. Công ty A5 (MST: 0101527385-003)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 02 tờ hóa đơn (số 568 ký hiệu C23TAA ngày 20/10/2023; số 420 ký hiệu C23TAA ngày 07/10/2023). Tuy nhiên 02 hóa đơn trên do bà Đoàn Ngọc B7 (sinh năm 1986; trú: B Ý, phường H, quận H - Nhân viên Phòng Kinh doanh số 8) thực tế có sử dụng dịch vụ tại Công ty Cổ phần A5, lấy hóa đơn và mang về cho đơn vị thanh toán theo đúng quy trình.

Tại thời điểm thanh toán, kế toán công ty đã kiểm tra tính pháp lý hóa đơn thông qua kiểm tra thông tin công ty trên trang chủ cổng thông tin T65 xác nhận hợp lệ nên đã kê khai thuế đối với 02 tờ hóa đơn nêu trên.

50. Công ty Cổ phần A5 (M13: 0400101958)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số 364 ký hiệu C23TAA ngày 29/09/2023). Tuy nhiên 01 hóa đơn trên do bà Phạm Lê Quỳnh M7 (sinh năm 1987; trú: tổ D, phường A, quận T - Kỹ sư phòng Thiết kế 2) thực tế có sử dụng dịch vụ tại Công ty Cổ phần A5, lấy hóa đơn và mang về cho đơn vị thanh toán theo đúng quy trình.

Tại thời điểm thanh toán, kế toán công ty đã kiểm tra tính pháp lý hóa đơn thông qua kiểm tra thông tin công ty trên trang chủ cổng thông tin T65 xác nhận hợp lệ nên đã kê khai thuế đối với tờ hóa đơn nêu trên. Sau đó, hóa đơn trên bị hủy trên hệ thống, công ty đã chủ động khai giảm tờ hóa đơn trên.

51. V13 – Chi nhánh tập đoàn C10 (MST: 0100109106-078)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 03 tờ hóa đơn. Tuy nhiên, thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 01 hóa đơn (số 646 ký hiệu C23TAA ngày 25/10/2023). Đối với 02 hóa đơn còn lại (số 727 ký hiệu C23TAA ngày 30/10/2023; số 327 ký hiệu C23TAA ngày 23/09/2023) do bà Đặng Thị Thanh T35 (sinh năm 1983; trú: 4 N, phường H, quận H - Nhân viên phòng kinh doanh giải pháp) thực tế có sử dụng dịch vụ tại Công ty Cổ phần A5, lấy hóa đơn và mang về cho đơn vị thanh toán theo đúng quy trình..

Khi nhận 02 tờ hóa đơn trên bà T35 đã đưa lại cho bộ phận kế toán kiểm tra tính pháp lý, kê khai thuế đối với 02 tờ hóa đơn nêu trên. Sau đó, Công ty phát hiện 02 tờ hóa đơn trên có rủi ro về thuế nên Công ty đã khai lại thuế, xuất toán đối với 02 tờ hóa đơn nêu trên.

52. Công ty A5 – Chi nhánh Tổng Công ty Đ8 (M13: 0400101394-024)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 02 tờ hóa đơn. Tuy nhiên 02 hóa đơn này các cá nhân thực tế có sử dụng dịch vụ tại Công ty Cổ phần A5, lấy hóa đơn và mang về cho đơn vị thanh toán theo đúng quy trình, cụ thể:

- Nguyễn Thị Khánh H22 (sinh năm 1992; trú: số A L, phường A, quận S - Nhân viên Phòng tài chính - kế toán) đề nghị thanh toán 01 hóa đơn (số 468 ký hiệu C23TAA ngày 11/10/2023).

- Phan Văn P13 (sinh năm 1981; trú: K T, phường H, quận C - Nhân viên Phòng kinh doanh) đề nghị thanh toán 01 hóa đơn (số 531 ký hiệu C23TAA ngày 17/10/2023).

Sau khi 02 nhân viên trên mang 02 tờ hóa đơn trên về thanh toán, kế toán trưởng đơn vị đã kiểm tra tính pháp lý của hóa đơn, tính hợp pháp của đơn vị xuất hóa đơn, xác nhận hợp lệ nên đã kê khai thuế đối với 02 tờ hóa đơn nêu trên. Đến tháng 06/2024, đơn vị phát hiện 02 tờ hóa đơn trên có rủi ro về thuế nên đã khai lại thuế, xuất toán đối với 02 tờ hóa đơn nêu trên.

53. Chi nhánh tổng Công ty A5 – Nhà máy L11 (MST: 0101447725-044)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 03 tờ hóa đơn (số 542 ký hiệu C23TAA ngày 18/10/2023; số 541 ký hiệu C23TAA ngày 17/10/2023; số 469 ký hiệu C23TAA ngày 11/10/2023). Tuy nhiên 03 hóa đơn trên do ông Trần Văn C5 (sinh năm 1973; Trú: D Đ, phường H, quận C, TP . - Giám đốc Chi nhánh) thực tế có sử dụng dịch vụ tại Công ty Cổ phần A5, lấy hóa đơn và mang về cho đơn vị thanh toán theo đúng quy trình. Sau đó bộ phận kế toán của đơn vị đã kê khai thuế đối với 03 tờ hóa đơn nêu trên.

54. Công ty CP A5 (MST: 0400410498)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 04 tờ hóa đơn (số 573 ký hiệu C23TAA ngày 21/10/2023; số 547 ký hiệu C23TAA ngày 18/10/2023; số 462 ký hiệu C23TAA ngày 11/10/2023; số 537 ký hiệu C23TAA ngày 17/10/2023). Tuy nhiên, 02 hóa đơn số 547 và 573 là do ông Phạm Vũ B5 (Giám đốc điều hành Công ty) và 02 hóa đơn số 462 và 537 là do ông Nguyễn S (sinh năm 1966; Trú: H T, phường P, quận H, TP .; Trưởng phòng tổ chức - hành chính) thực tế có sử dụng dịch vụ tại Công ty Cổ phần A5, lấy hóa đơn và mang về cho đơn vị thanh toán theo đúng quy trình. Sau đó bộ phận kế toán của đơn vị đã kê khai thuế đối với 04 tờ hóa đơn nêu trên. Tuy nhiên sau đó, ông S phát hiện 04 tờ hóa đơn trên có rủi ro về thuế nên Công ty Cổ phần A5 đã khai lại thuế, xuất toán đối với 04 tờ hóa đơn nêu trên.

55. Văn phòng đại diện ngân hàng thương mại Cổ phần C6 tại Đà Nẵng (MST: 0400549210)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số 627 ký hiệu C23TAA ngày 24/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 02 hóa đơn này.

56. Công ty A5 (MST: 0100774631-002)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 08 tờ hóa đơn. Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 04 hóa đơn (số 311 ký hiệu C23TAA ngày 20/09/2023; số 282 ký hiệu C23TAA ngày 13/10/2023; số 258 ký hiệu C23TAA ngày 10/09/2023; số 242 ký hiệu C23TAA ngày 07/09/2023). Đối với 04 hóa đơn còn lại (số 102 ký hiệu C23TAA ngày 13/08/2023; số 090 ký hiệu C23TAA ngày 11/10/2023; số 071 ký hiệu C23TAA ngày 08/08/2023; số 061 ký hiệu C23TAA ngày 06/08/2023)

do ông Nguyễn Văn H19 (sinh năm 1990; trú: thôn T, xã H, huyện H - Trưởng phòng kế toán tổng hợp) thực tế có sử dụng dịch vụ tại Công ty Cổ phần A5, lấy hóa đơn và mang về cho đơn vị thanh toán theo đúng quy trình. Sau đó bộ phận kế toán của công ty đã kiểm tra tính pháp lý của công ty xuất hóa đơn và quy định chi phí hợp lệ của công ty, xác nhận hợp lệ nên đã kê khai thuế đối với 04 tờ hóa đơn nêu trên. Sau đó, công ty phát hiện 04 tờ hóa đơn trên đã bị hủy trên hệ thống nên Công ty A5 đã khai lại thuế, xuất toán đối với 04 tờ hóa đơn nêu trên.

57. Công ty TNHH MTV A5 (MST: 0402164706)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 02 tờ hóa đơn (số 706 ký hiệu C23TAA ngày 28/10/2023; số 609 ký hiệu C23TAA ngày 23/10/2023). Tuy nhiên, 02 hóa đơn trên là do bà Phan Thị Hoài T56 (sinh năm 1989; Trú: A H, phường H, quận C, TP. ; Giám đốc Công ty) thực tế có sử dụng dịch vụ tại Công ty Cổ phần A5, lấy hóa đơn và mang về cho đơn vị thanh toán theo đúng quy trình. Bộ phận kế toán của công ty đã kiểm tra tính pháp lý của hóa đơn, xác nhận hợp lệ nên đã kê khai thuế đối với 02 tờ hóa đơn nêu trên. Đến tháng 07/2024, công ty phát hiện 02 tờ hóa đơn trên có rủi ro về thuế, Công ty cổ phần A5 đã hủy trên hệ thống nên Công ty TNHH A5 Mở đã khai lại thuế, xuất toán đối với 02 tờ hóa đơn nêu trên.

58. Công ty A5 (MST: 0102737963-003)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 03 tờ hóa đơn (số 614 ký hiệu C23TAA ngày 24/10/2023; số 549 ký hiệu C23TAA ngày 18/10/2023; số 480 ký hiệu C23TAA ngày 12/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 01 hóa đơn này.

59. Công ty A5 (MST: 0301458065-007)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 04 tờ hóa đơn. Tuy nhiên, 04 hóa đơn này do các cá nhân thực tế có sử dụng dịch vụ tại Công ty Cổ phần A5, lấy hóa đơn và mang về cho đơn vị thanh toán theo đúng quy trình, cụ thể gồm: số 583 ký hiệu C23TAA ngày 22/10/2023;. Đơn vị khai nhận không có việc mua hóa đơn như bị can đã khai báo; Các hóa đơn còn lại do cá nhân mang về thanh toán khai nhận cụ thể:

- Nguyễn Khắc H23 (sinh năm 1974; trú: A X, phường T - Phó Giám đốc Công ty) đề nghị thanh toán 03 hóa đơn (số 728 ký hiệu C23TAA ngày 30/10/2023; số 672 ký hiệu C23TAA ngày 26/10/2023; số 392 ký hiệu C23TAA ngày 04/10/2023).

- Nguyễn Thị M9 (sinh năm 1964; trú: tổ D, phường H, quận T - Trưởng phòng kinh doanh số 1) đề nghị thanh toán 01 hóa đơn (số 583 ký hiệu C23TAA ngày 22/10/2023).

Khi nhận 04 tờ hóa đơn trên, ông H23 và bà M9 đã đưa lại cho bộ phận kế toán kiểm tra tính pháp lý, kê khai thuế đối với 04 tờ hóa đơn nêu trên. Sau đó, Công ty phát hiện 04 tờ hóa đơn trên có rủi ro về thuế nên Công ty đã khai lại thuế, xuất toán đối với 04 tờ hóa đơn nêu trên.

60. Công ty Cổ phần A5 (MST: 0401696994)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 02 tờ hóa đơn (số 633 ký hiệu C23TAA ngày 24/10/2023; số 610 ký hiệu C23TAA ngày 23/10/2023). Tuy nhiên, 02 hóa đơn này do bà Lê Thị Thu N12 (sinh năm 1981; trú: thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Kế

toán trưởng Công ty) thực tế có sử dụng dịch vụ tại Công ty Cổ phần A5, lấy hóa đơn và mang về cho đơn vị thanh toán theo đúng quy trình. Khi nhận 02 tờ hóa đơn trên, bộ phận kế toán đã kiểm tra tính pháp lý của hóa đơn, xác nhận hợp lệ nên đã kê khai thuế đối với 02 tờ hóa đơn nêu trên. Đến tháng 06/2024, Chi cục thuế khu vực S10 - Ngũ Hành Sơn có mời Công ty lên làm việc, giải trình về nguồn gốc của 02 tờ hóa đơn nêu trên. Cơ quan thuế đã yêu cầu Công ty khai lại thuế, xuất toán đối với 02 tờ hóa đơn nêu trên và Công ty đã bị cơ quan thuế xử phạt về hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn dẫn đến trốn thuế thu thập doanh nghiệp phải nộp năm 2023.

61. Ngân hàng thương mại cổ phần C6 – Chi nhánh S7 (MST: 0100111948-292)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 09 tờ hóa đơn. Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 04 hóa đơn (số 500 ký hiệu C23TAA ngày 14/10/2023; số 418 ký hiệu C23TAA ngày 07/10/2023; số 479 ký hiệu C23TAA ngày 06/07/2023; số 533 ký hiệu C23TAA ngày 16/07/2023). 04 hóa đơn còn lại (số 294 ký hiệu C23TAA ngày 15/09/2023; số 285 ký hiệu C23TAA ngày 13/09/2023; số 142 ký hiệu C23TAA ngày 19/08/2023; số 128 ký hiệu C23TAA ngày 17/08/2023; số 561 ký hiệu C23TAA ngày 19/07/2023) do bà Trần Thị Thu H16 (sinh năm 1970; trú: K H, phường B, quận H - Nhân viên phòng kế toán tổng hợp) thực tế có sử dụng dịch vụ tại Công ty Cổ phần A5, lấy hóa đơn và mang về cho đơn vị thanh toán theo đúng quy trình. Khi nhận 04 tờ hóa đơn trên, bộ phận kế toán đã kiểm tra tính pháp lý của hóa đơn, xác nhận hợp lệ nên đã kê khai thuế đối với 04 tờ hóa đơn nêu trên. Sau đó, Công ty phát hiện 04 tờ hóa đơn trên có rủi ro về thuế nên Công ty đã khai lại thuế, xuất toán đối với 04 tờ hóa đơn nêu trên.

62. Ngân hàng TMCP Đ9 – CN Sông Hàn (M13 – 173)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 03 tờ hóa đơn. Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 01 hóa đơn (số 546 ngày 18/10/2023 ký hiệu 1C23TAA). Đối với 02 hóa đơn còn lại do các cá nhân trong công ty thực tế có sử dụng dịch vụ tại Công ty Cổ phần A5, lấy hóa đơn và mang về cho đơn vị thanh toán theo đúng quy trình, cụ thể:

- Nguyễn Phan Hạ K4 (sinh năm 1982; trú: A H, phường H, quận H - Nhân viên phòng G3) đề nghị thanh toán 01 hóa đơn (số 600 ngày 23/10/2023 ký hiệu 1C23TAA).

- Nguyễn Thị L9 (sinh năm 1979; trú: thôn Q, xã H, huyện H - Nhân viên phòng G3) đề nghị thanh toán 01 hóa đơn (số 464 ngày 11/10/2023 ký hiệu 1C23TAA).

Sau khi 02 nhân viên trên mang 02 tờ hóa đơn trên về thanh toán, kế toán trưởng đơn vị đã kiểm tra tính pháp lý của hóa đơn, tính hợp pháp của đơn vị xuất hóa đơn, xác nhận hợp lệ nên đã kê khai thuế đối với 02 tờ hóa đơn nêu trên. Sau đó, đơn vị phát hiện 02 tờ hóa đơn trên có rủi ro về thuế nên đã khai lại thuế, xuất toán đối với 02 tờ hóa đơn nêu trên.

III. Các đơn vị đã ủy thác điều tra và có kết quả xác định không mua hoá đơn của Ngọc A, cụ thể:

1. Công ty X2 (MST: 3100105749)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 02 tờ hóa đơn (số F, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 28/10/2023; số 0000722, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 29/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 02 hóa đơn này.

2. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ9 - Chi nhánh H45 (MST: 0100150619-140)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số E, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 21/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 01 hóa đơn này.

3. Trường Sĩ quan Pháo Binh

Ngọc Anh khai xuất bán cho đơn vị 02 tờ hóa đơn (số E, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 21/10/2023; số 584, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 22/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 02 hóa đơn này.

4. Công ty Cổ phần A5 (MST: 5900180876)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 04 tờ hóa đơn. Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 02 hóa đơn (số D, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 09/10/2023; số 515, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 16/10/2023). Đối với 02 hóa đơn còn lại (số C, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 22/9/2023; số 334, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 24/9/2023) do anh Trần Văn T44 (sinh năm 1969; trú: K P, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai – Chủ tịch hội đồng quản trị) thực tế có sử dụng dịch vụ tại Công ty Cổ phần A5, lấy hóa đơn và mang về cho đơn vị thanh toán theo đúng quy trình.

5. Ngân hàng thương mại cổ phần N17 - Chi nhánh G1 (MST: 0100112437-027)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số F, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 28/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 01 hóa đơn này.

6. Công ty Đ10 (M13: 0400101394-011)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số F, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 27/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 01 hóa đơn này.

7. Công ty Cổ phần A5 (MST: 4000407699)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số D, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 12/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 01 hóa đơn này.

8. P16 (MST: 0100150577-022)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 02 tờ hóa đơn (số C, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 04/10/2023; số 398, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 05/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 02 hóa đơn này.

9. Ngân hàng N18 - Chi nhánh Khu công nghiệp Đ - Điện Ngọc Q (MST: 0100686174-791)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 05 tờ hóa đơn (số H, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 10/8/2023; số 171, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 24/8/2023; số 212, ký hiệu:

1C23TAA, ngày 01/9/2023; số 283, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 13/9/2023; số 612, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 24/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 05 hóa đơn này.

10. Công ty T62 (MST: 1800590430-004)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số D, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 10/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 01 hóa đơn này.

11. Công ty TNHH MTV A5 (MST: 4201675948)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 02 tờ hóa đơn (số E, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 19/10/2023; số 586, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 22/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 02 hóa đơn này.

12. Công ty A5 (MST: 4200385474)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số F, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 25/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 01 hóa đơn này.

13. Công ty TNHH S9 (MST: 0110381206)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 06 tờ hóa đơn (số E, ký hiệu: 1C23TAM, ngày 14/7/2023; số 531, ký hiệu: 1C23TAM, ngày 15/7/2023; số 538, ký hiệu: 1C23TAM, ngày 16/7/2023; số 547, ký hiệu: 1C23TAM, ngày 17/7/2023; số 558, ký hiệu: 1C23TAM, ngày 18/7/2023; số 566, ký hiệu: 1C23TAM, ngày 19/7/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 06 hóa đơn này.

14. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ11 (M13: 0101057919)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 02 tờ hóa đơn (số F, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 24/10/2023; số 704, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 28/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 02 hóa đơn này.

15. Công ty TNHH MTV A5 (MST: 0100107645)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 02 tờ hóa đơn (số E, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 23/10/2023; số 653, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 25/10/2023). Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 02 hóa đơn này.

16. Chi nhánh Công ty CP A5 công nghiệp QN-ĐN tại tỉnh Quảng Nam (MST: 0400100841-004)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 06 tờ hóa đơn. Tuy nhiên thực tế đơn vị không khai thuế và không biết nguồn gốc của 02 hóa đơn (số B, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 30/8/2023; số 209, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 01/9/2023). Đối với 04 hóa đơn còn lại do các cá nhân thực tế có sử dụng dịch vụ tại Công ty Cổ phần A5, lấy hóa đơn và mang về cho đơn vị thanh toán theo đúng quy trình, cụ thể:

- Hoàng Diệu T57 (sinh năm 1976; trú: tổ A, phường T, quận T – nhân viên chi nhánh) đề nghị thanh toán 02 hóa đơn (số F, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 08/8/2023; số 248, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 08/9/2023).

- Đặng Thành T52 (sinh năm 1976; trú: Căn hộ E tòa nhà H đường P, phường A, quận S) đề nghị thanh toán 02 hóa đơn (số H, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 11/8/2023; số 626, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 24/10/2023)

IV. Các đơn vị đã ủy thác điều tra đến nay chưa có kết quả, cụ thể:

1. Công ty TNHH MTV A5 (MST: 0302010607)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số E, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 21/10/2023)

Qua xác minh được biết: Công ty TNHH MTV A5 không còn hoạt động tại địa chỉ B H, Phường B, quận T, TP .. Hiện nay, Công ty đã chuyển đến hoạt động tại địa chỉ B H, Phường I, quận P, TP ..

Cơ quan CSĐT Công an quận S đã có Quyết định ủy thác điều tra số 1134 ngày 11/11/2024 (Kèm theo Công văn số 1592 ngày 11/11/2024 về việc phối hợp điều tra vụ án hình sự) gửi cho Cơ quan CSĐT Công an quận P, TP .. Nhưng đến nay vẫn chưa nhận được kết quả trả lời.

2. Tổng Công ty M14 - Chi nhánh Tập đoàn C10 (MST: 0100109106-012):

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 02 tờ hóa đơn (số C, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 21/9/2023; số 348, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 26/9/2023).

Cơ quan CSĐT Công an quận S đã có Quyết định ủy thác điều tra số 488 ngày 30/5/2024 (Kèm theo Công văn số 782 ngày 30/5/2024 về việc phối hợp điều tra vụ án hình sự) và Công văn số 1601 (lần 2) ngày 11/11/2024 về việc phối hợp điều tra, xác minh gửi cho Cơ quan CSĐT Công an quận C, TP .. Nhưng đến nay vẫn chưa nhận được kết quả trả lời.

3. Công ty Q13 - Chi nhánh tập đoàn C10 (MST: 0100109106-160):

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số D, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 26/9/2023).

Cơ quan CSĐT Công an quận S đã có Quyết định ủy thác điều tra số 476 ngày 30/5/2024 (Kèm theo Công văn số 780 ngày 30/5/2024 về việc phối hợp điều tra vụ án hình sự) và Công văn số 1603 (lần 2) ngày 11/11/2024 về việc phối hợp điều tra, xác minh gửi cho Cơ quan CSĐT Công an quận N, TP .. Nhưng đến nay vẫn chưa nhận được kết quả trả lời.

4. Công ty Cổ phần A5 (MST: 0101362221):

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số F, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 23/10/2023).

Cơ quan CSĐT Công an quận S đã có Quyết định ủy thác điều tra số 488 ngày 30/5/2024 (Kèm theo Công văn số 782 ngày 30/5/2024 về việc phối hợp điều tra vụ án hình sự) và Công văn số 1601 (lần 2) ngày 11/11/2024 về việc phối hợp điều tra, xác minh gửi cho Cơ quan CSĐT Công an quận C, TP .. Nhưng đến nay vẫn chưa nhận được kết quả trả lời.

5. Công ty Cổ phần A5 (MST: 3300101075)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số F, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 25/10/2023).

Cơ quan CSĐT Công an quận S đã có Quyết định ủy thác điều tra số 483 ngày 30/5/2024 (Kèm theo Công văn số 784 ngày 30/5/2024 về việc phối hợp điều tra vụ án hình sự) và Công văn số 1604 (lần 2) ngày 11/11/2024 về việc phối hợp điều tra, xác minh gửi cho Cơ quan CSĐT Công an quận B, TP .. Nhưng đến nay vẫn chưa nhận được kết quả trả lời.

6. Công ty Cổ phần A5 (MST: 4400415302)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số D, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 11/10/2023)

Cơ quan CSĐT Công an quận S đã có Quyết định ủy thác điều tra số 472 ngày 30/5/2024 (Kèm theo Công văn số 795 ngày 30/5/2024 về việc phối hợp điều tra vụ án hình sự) và Công văn số 1594 (lần 2) ngày 11/11/2024 về việc phối hợp điều tra, xác minh gửi cho Cơ quan CSĐT Công an quận thành phố T, tỉnh Phú Yên. Nhưng đến nay vẫn chưa nhận được kết quả trả lời.

7. Công ty TNHH T63 (MST: 4400415302)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 06 tờ hóa đơn (số G, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 08/8/2023; số 127, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 17/8/2023; số 149, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 21/8/2023; số 156, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 23/8/2023; số 278, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 13/9/2023; số 306, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 19/9/2023).

Cơ quan CSĐT Công an quận S đã có Quyết định ủy thác điều tra số 477 ngày 30/5/2024 (Kèm theo Công văn số 794 ngày 30/5/2024 về việc phối hợp điều tra vụ án hình sự) và Công văn số 1596 (lần 2) ngày 11/11/2024 về việc phối hợp điều tra, xác minh gửi cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố T, TP .. Nhưng đến nay vẫn chưa nhận được kết quả trả lời.

8. Công ty TNHH MTV A5 và khai thác tài sản - Ngân hàng thương mại cổ phần X4 (M13: 0310280974)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số D, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 07/10/2023).

Cơ quan CSĐT Công an quận S đã có Quyết định ủy thác điều tra số 490 ngày 30/5/2024 (Kèm theo Công văn số 787 ngày 30/5/2024 về việc phối hợp điều tra vụ án hình sự) và Công văn số 1600 (lần 2) ngày 11/11/2024 về việc phối hợp điều tra, xác minh gửi cho Cơ quan CSĐT Công an Q14, TP .. Nhưng đến nay vẫn chưa nhận được kết quả trả lời.

9. Ngân hàng thương mại cổ phần N19 (MST: 0300872315)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 03 tờ hóa đơn (số E, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 16/10/2023; số 594, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 23/10/2023; số 628, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 24/10/2023).

Cơ quan CSĐT Công an quận S đã có Quyết định ủy thác điều tra số 490 ngày 30/5/2024 (Kèm theo Công văn số 787 ngày 30/5/2024 về việc phối hợp điều tra vụ án hình sự) và Công văn số 1600 (lần 2) ngày 11/11/2024 về việc phối hợp điều tra, xác minh gửi cho Cơ quan CSĐT Công an Q14, TP .. Nhưng đến nay vẫn chưa nhận được kết quả trả lời.

10. Ngân hàng thương mại cổ phần Á3 (MST: 0301452948):

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 02 tờ hóa đơn (số D, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 07/10/2023; số 724, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 29/10/2023).

Cơ quan CSĐT Công an quận S đã có Quyết định ủy thác điều tra số 490 ngày 30/5/2024 (Kèm theo Công văn số 787 ngày 30/5/2024 về việc phối hợp điều tra vụ án hình sự) và Công văn số 1600 (lần 2) ngày 11/11/2024 về việc phối hợp điều tra, xác minh gửi cho Cơ quan CSĐT Công an Q14, TP .. Nhưng đến nay vẫn chưa nhận được kết quả trả lời.

11. Công ty Cổ phần A5 - Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh (MST: 0107520428-001):

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 03 tờ hóa đơn (số D, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 06/10/2023; số 428, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 08/10/2023; số 711, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 28/10/2023).

Cơ quan CSĐT Công an quận S đã có Quyết định ủy thác điều tra số 490 ngày 30/5/2024 (Kèm theo Công văn số 787 ngày 30/5/2024 về việc phối hợp điều tra vụ án hình sự) và Công văn số 1600 (lần 2) ngày 11/11/2024 về việc phối hợp điều tra, xác minh gửi cho Cơ quan CSĐT Công an Q14, TP .. Nhưng đến nay vẫn chưa nhận được kết quả trả lời.

12. Công ty TNHH B8 (MST: 0310879824):

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số F, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 23/10/2023).

Cơ quan CSĐT Công an quận S đã có Quyết định ủy thác điều tra số 490 ngày 30/5/2024 (Kèm theo Công văn số 787 ngày 30/5/2024 về việc phối hợp điều tra vụ án hình sự) và Công văn số 1600 (lần 2) ngày 11/11/2024 về việc phối hợp điều tra, xác minh gửi cho Cơ quan CSĐT Công an Q14, TP .. Nhưng đến nay vẫn chưa nhận được kết quả trả lời.

13. Ngân hàng TMCP H48 (MST: 0200124891):

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 04 tờ hóa đơn (số C, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 29/9/2023; số 370, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 30/9/2023; số 377, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 01/10/2023; số 473, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 12/10/2023).

Cơ quan CSĐT Công an quận S đã có Quyết định ủy thác điều tra số 489 ngày 30/5/2024 (Kèm theo Công văn số 783 ngày 30/5/2024 về việc phối hợp điều tra vụ án hình sự) và Công văn số 1598 (lần 2) ngày 11/11/2024 về việc phối hợp điều tra, xác minh gửi cho Cơ quan CSĐT Công an quận Đ, TP .. Nhưng đến nay vẫn chưa nhận được kết quả trả lời.

14. Ngân hàng TMCP V17 (MST: 0100233583):

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 03 tờ hóa đơn (số D, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 10/10/2023; số 463, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 11/10/2023; số 476, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 12/10/2023).

Cơ quan CSĐT Công an quận S đã có Quyết định ủy thác điều tra số 489 ngày 30/5/2024 (Kèm theo Công văn số 783 ngày 30/5/2024 về việc phối hợp điều tra vụ án hình sự) và Công văn số 1598 (lần 2) ngày 11/11/2024 về việc phối hợp điều tra, xác minh gửi cho Cơ quan CSĐT Công an quận Đ, TP .. Nhưng đến nay vẫn chưa nhận được kết quả trả lời.

15. Viện Khoa học và C13 (MST: 0100729251):

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số D, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 10/10/2023)

Cơ quan CSĐT Công an quận S đã có Quyết định ủy thác điều tra số 489 ngày 30/5/2024 (Kèm theo Công văn số 783 ngày 30/5/2024 về việc phối hợp điều tra vụ án hình sự) và Công văn số 1598 (lần 2) ngày 11/11/2024 về việc phối hợp điều tra, xác minh gửi cho Cơ quan CSĐT Công an quận Đ, TP .. Nhưng đến nay vẫn chưa nhận được kết quả trả lời.

16. Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H (MST: 0300608092)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số D, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 09/10/2023)

Cơ quan CSĐT Công an quận S đã có Quyết định ủy thác điều tra số 484 ngày 30/5/2024 (Kèm theo Công văn số 786 ngày 30/5/2024 về việc phối hợp điều tra vụ án hình sự) và Công văn số 1599 (lần 2) ngày 11/11/2024 về việc phối hợp điều tra, xác minh gửi cho Cơ quan CSĐT Công an Q14, TP .. Nhưng đến nay vẫn chưa nhận được kết quả trả lời.

17. Công ty TNHH P17 (MST: 0315915314)

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số F, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 27/10/2023)

Cơ quan CSĐT Công an quận S đã có Quyết định ủy thác điều tra số 484 ngày 30/5/2024 (Kèm theo Công văn số 786 ngày 30/5/2024 về việc phối hợp điều tra vụ án hình sự) và Công văn số 1599 (lần 2) ngày 11/11/2024 về việc phối hợp điều tra, xác minh gửi cho Cơ quan CSĐT Công an Q14, TP .. Nhưng đến nay vẫn chưa nhận được kết quả trả lời.

18. Công ty N21 - Chi nhánh Tổng Công ty P15 - Công ty Cổ phần A5 (MST: 1800590430-008):

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 02 tờ hóa đơn (số D, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 09/10/2023; số 466, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 11/10/2023)

Cơ quan CSĐT Công an quận S đã có Quyết định ủy thác điều tra số 493 ngày 30/5/2024 (Kèm theo Công văn số 778 ngày 30/5/2024 về việc phối hợp điều tra vụ án hình sự) và Công văn số 1607 (lần 2) ngày 11/11/2024 về việc phối hợp điều tra, xác minh gửi cho Cơ quan CSĐT Công an quận B, thành phố Cần Thơ. Nhưng đến nay vẫn chưa nhận được kết quả trả lời.

19. Công ty Cổ phần A5 (MST: 0300470246):

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 02 tờ hóa đơn (số D, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 11/10/2023; số 539, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 17/10/2023)

Cơ quan CSĐT Công an quận S đã có Quyết định ủy thác điều tra số 482 ngày 30/5/2024 (Kèm theo Công văn số 785 ngày 30/5/2024 về việc phối hợp điều tra vụ án hình sự) và Công văn số 1608 (lần 2) ngày 11/11/2024 về việc phối hợp điều tra, xác minh gửi cho Cơ quan CSĐT Công an quận P, TP .. Nhưng đến nay vẫn chưa nhận được kết quả trả lời.

20. Công ty TNHH MTV A5 (MST: 5801462502; Địa chỉ: Số A L, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng):

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số E, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 22/10/2023)

Cơ quan CSĐT Công an quận S đã có Quyết định ủy thác điều tra số 491 ngày 30/5/2024 (Kèm theo Công văn số 770 ngày 30/5/2024 về việc phối hợp điều tra vụ án hình sự) và Công văn số 1610 (lần 2) ngày 11/11/2024 về việc phối hợp điều tra, xác minh gửi cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Nhưng đến nay vẫn chưa nhận được kết quả trả lời.

21. Công ty Cổ phần A5 (MST: 4000478435; Địa chỉ: Thôn D, thị trấn T, huyện N, tỉnh Quảng Nam):

Ngọc A khai xuất bán cho đơn vị 01 tờ hóa đơn (số E, ký hiệu: 1C23TAA, ngày 16/10/2023)

Cơ quan CSĐT Công an quận S đã có Quyết định ủy thác điều tra số 494 ngày 30/5/2024 (Kèm theo Công văn số 779 ngày 30/5/2024 về việc phối hợp điều tra vụ án hình sự) và Công văn số 1609 (lần 2) ngày 11/11/2024 về việc phối hợp điều tra, xác minh gửi cho Cơ quan CSĐT Công an huyện N, tỉnh Quảng Nam. Nhưng đến nay vẫn chưa nhận được kết quả trả lời.

* Tại cáo trạng số 21/CT-VKS-ST ngày 21/02/2025 và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 203, điểm s,r khoản 1 Điều 51 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù, trừ đi 09 ngày đã tạm giam từ ngày 26/6/2024 đến ngày 04/7/2024.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS; đề nghị: Quy trừ tại hồ sơ vụ án: 01 đơn trình báo; 01 công văn giải trình; 01 Quyết định về việc bổ nhiệm người phụ trách kế toán của Công ty Cổ phần A5; Danh sách hoá đơn xuất trái phép từ tháng 7/2023 đến tháng 10/2023.

Đối với: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max; số IMEI: 352794274580150; số máy: A2342 là công cụ dụng cụ phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ.

Truy thu sung công quỹ số tiền thu lợi từ việc bán hóa đơn là 160.000.000 đồng (trong đó 22.586.520 đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc bán hoá đơn, 137.413.480 đồng là tiền bị cáo có được từ giao dịch bất hợp pháp thông qua việc bán hoá đơn).

* Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận gì với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải, hiện bị cáo một mình nuôi 02 con nhỏ mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Nguyễn Thị Ngọc A ký hợp đồng làm việc tại Công ty Cổ phần A5 từ tháng ngày 01/5/2023 với vị trí làm việc là kế toán nhà hàng. Công việc của Ngọc A là làm báo cáo doanh thu hằng ngày, rà soát dòng tiền vào, ra trên hệ thống của công ty, kiểm tra hàng nhập hằng ngày, chốt công nợ và thanh toán cho nhà cung cấp, xuất hoá đơn cho khách hàng sử dụng dịch vụ... trong quá trình làm việc tại công ty, giám đốc là ông Đoàn Bá P1 có giao chữ ký số cho Ngọc A quản lý để thuận tiện cho việc xuất hoá

đơn theo yêu cầu của những khách hàng sử dụng dịch vụ thực tế tại nhà hàng. Trong thời gian từ tháng 7/2023 đến tháng 10/2023, đã lợi dụng sự lỏng lẻo trong quản lý chữ ký số và đối chiếu doanh thu của Công ty Cổ phần A5, Ngọc A đã xuất khống bán ra tổng cộng 453 tờ hóa đơn GTGT (nằm trong tổng số 508 tờ hóa đơn GTGT mà Công ty Cổ phần A5 đã hủy), tổng giá trị trước thuế là 3.408.531.326 đồng cho 111 đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và các tỉnh thành khác. Bị cáo thu lợi từ việc bán hóa đơn là 4-10% trên tổng giá trị hóa đơn. Theo bị cáo khai nhận, tổng số tiền thu lợi từ việc bán 453 tờ hóa đơn khoảng hơn 160.000.000 đồng.

Đến cuối tháng 10/2023, Ngọc A nghỉ việc và sau khi kiểm tra phần mềm xuất hóa đơn, đối chiếu thực tế khách hàng có sử dụng dịch vụ tại nhà hàng A9 và làm việc trực tiếp với Nguyễn Thị Ngọc A thì Ngọc A đã thừa nhận hành vi mua bán trái phép hóa đơn của mình.

Quá trình điều tra, xác định được Từ tháng 9/2023 đến tháng 10/2023, Nguyễn Thị Ngọc A đã có hành vi bán trái phép 47 hóa đơn của Công ty Cổ phần A5 cho các cá nhân thuộc các doanh nghiệp trên cả nước.

Như vậy hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” với tình tiết định khung hình phạt “*Hóa đơn, chứng từ ở dạng phôi từ 100 số trở lên hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 30 số trở lên*” theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự. Như vậy, bản Cáo trạng số: 21/CT- VKS-ST ngày 21/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án thì thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách của Nhà nước về quản lý hóa đơn, chứng từ trong lĩnh vực về thuế. Bị cáo nhận thức được điều đó, nhưng do xem thường pháp luật nên đã bán hóa đơn thu lợi bất chính 160.000.000 đồng, trong đó 22.586.520 đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc bán hoá đơn, 137.413.480 đồng là tiền bị cáo có được từ giao dịch bất hợp pháp thông qua việc bán hoá đơn.

Đây là vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đều nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý, bất chấp, coi thường pháp luật, số lượng hóa đơn bị cáo bán khống là lớn, thu lợi bất chính lớn. Do đó, HĐXX thấy cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã tự mình khai ra những lần phạm tội trước đó, do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s, r khoản

1, Điều 51 BLHS để giảm cho bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình, thể hiện tính nhân đạo của nhà nước.

Tình tiết tăng nặng TNHS: Không.

[5] Về hình phạt bổ sung: không

[6] Đối với hành vi của ông Đoàn Bá P1, do ông P1 không biết việc Nguyễn Thị Ngọc A sử dụng chữ ký số của công ty để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn, khi phát hiện được hành vi của Ngọc A, ông P1 đã chủ động khai báo với cơ quan chức năng, do đó, Cơ quan CSĐT Công an quận S không xử lý đối với ông P1 là phù hợp.

Đối với các doanh nghiệp có liên quan đến việc mua bán hóa đơn của Nguyễn Thị Ngọc A nhưng đến nay chưa có kết quả trả lời ủy thác, Cơ quan CSĐT Công an quận S tiếp tục điều tra xác minh xử lý sau là phù hợp.

Đối với hành vi của các đối tượng trung gian Lê Thị Thu N15, Nguyễn Thị H40, Nguyễn Thị Thanh H41 mua hóa đơn từ Nguyễn Thị Ngọc A và bán lại cho các cá nhân, do số lượng hóa đơn mua bán dưới 10 tờ nên Cơ quan CSĐT Công an quận S không xử lý hình sự đối với N15, H40, H41 là có cơ sở.

Đối với các doanh nghiệp mặc dù Nguyễn Thị Ngọc A khai có bán hóa đơn nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh được hành vi mua hóa đơn của các doanh nghiệp này nên Cơ quan CSĐT Công an quận S không xử lý là có cơ sở.

Đối với các doanh nghiệp mặc dù Nguyễn Thị Ngọc A khai có bán hóa đơn và các cá nhân làm việc tại doanh nghiệp T68 việc mua hóa đơn, nhưng các doanh nghiệp không biết việc mua hóa đơn của những cá nhân này nên Cơ quan CSĐT Công an quận S không xử lý là có cơ sở.

Đối với các cá nhân thừa nhận mua hóa đơn của Công ty Cổ phần A5, tuy nhiên tất cả đều mua số lượng dưới 10 tờ nên Cơ quan CSĐT Công an quận S không xử lý hình sự đối với các cá nhân này là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS; tuyên

- Quy trữ tại hồ sơ vụ án: 01 đơn trình báo; 01 công văn giải trình; 01 Quyết định về việc bổ nhiệm người phụ trách kế toán của Công ty Cổ phần A5; Danh sách hoá đơn xuất trái phép từ tháng 7/2023 đến tháng 10/2023.

Tịch thu sung công quỹ: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max; số IMEI: 352794274580150; số máy: A2342.

(vật chứng thể hiện tại biên bản bàn giao ngày 28/02/2025 Chi cục Thi hành án quận Sơn TrS10 đang quản lý)

-Đối với số tiền thu lợi từ việc bán hóa đơn là 160.000.000 đồng cần tuyên tịch thu sung công quỹ.

[8] Về án phí: Theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc A** phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*”.

Căn cứ: điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Thị Ngọc A: **01 năm 6 tháng (một năm sáu tháng)** tù nhưng được trừ đi 09 ngày đã tạm giữ từ ngày 26/6/2024 đến ngày 04/7/2024 còn lại là **01 năm 5 tháng 21 ngày**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS;

2.1 Tiếp tục quy trữ tại hồ sơ vụ án: 01 đơn trình báo; 01 công văn giải trình; 01 Quyết định về việc bổ nhiệm người phụ trách kế toán của Công ty Cổ phần A5; Danh sách hoá đơn xuất trái phép từ tháng 7/2023 đến tháng 10/2023.

2.2. Tịch thu sung công quỹ: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max; số IMEI: 352794274580150; số máy: A2342. (vật chứng thể hiện tại biên bản bàn giao ngày 28/02/2025 Chi cục Thi hành án quận Sơn Trà đang quản lý)

2.3. Tịch thu sung công quỹ số tiền thu lợi từ việc bán hóa đơn là 160.000.000 đồng (*một trăm sáu mươi triệu đồng*), trong đó 22.586.520 đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc bán hoá đơn, 137.413.480 đồng là tiền bị cáo có được từ giao dịch bất hợp pháp thông qua việc bán hoá đơn).

3. **Án phí HSST**: án phí HSST bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*)

4. **Quyền kháng cáo**: Án xử công khai, bị cáo, người tham gia tố tụng có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- VKSND quận Sơn Trà
- VKS ND TPĐN, TAND TPĐN
- Công an quận Sơn Trà
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng
- Trại giam Công an TPĐN
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Thủy